

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/1/2005, thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019)



SeABank

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 186/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 09 năm 2020.)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á:

Địa chỉ : Số 25, Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại : 024 39448688 Fax: 024 39448689 Website: <https://seabank.com.vn/>

Từ ngày: 10/09/2020

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Khúc Thị Quỳnh Lâm Số điện thoại: 024 3944 8688 (ext: 5016)

Hà Nội, tháng 08/2020

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/1/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá bán (dự kiến):	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số lượng chào bán dự kiến:	140.734.000 cổ phiếu (Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	1.407.340.000.000 đồng (Một nghìn bốn trăm linh bảy tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng)

1. Tổ chức kiểm toán:



Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 và 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.7105 5000

Fax: 024.6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn



Đơn vị soát xét BCTC bán niên năm 2020:

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3946 1600

Fax: 024 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

2. Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.6275 3844

Fax: 024.6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô	4
2. Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng.....	5
3. Rủi ro về tín dụng	7
4. Rủi ro thị trường	9
5. Rủi ro thanh khoản.....	11
6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng	13
7. Rủi ro về luật pháp.....	13
8. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	14
9. Rủi ro pha loãng cổ phiếu	15
10. Rủi ro khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH.....	21
1. Tổ chức phát hành:	21
2. Tổ chức tư vấn:	21
III. CÁC KHÁI NIỆM	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	24
1. Tổng quan về Ngân Hàng và tóm tắt quá trình hình thành phát triển.....	24
2. Cơ cấu tổ chức và Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank.....	34
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank và những người có liên quan tại thời điểm 30/06/2020	35
4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank	36
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của SeABank	38
6. Hoạt Động Kinh Doanh	46
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất	68
8. Vị thế của SeABank trong ngành ngân hàng	73
9. Chính sách đối với người lao động	77
10. Chính sách cổ tức	81
11. Tình hình tài chính	81

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng.....	83
13. Tài sản cố định	102
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	103
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	105
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	105
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:.....	106
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán (nếu có):.....	107
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	108
1. Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông.....	108
2. Mệnh giá: 10.000/cổ phần.....	108
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 140.734.000 cổ phiếu.....	108
4. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần (<i>mười nghìn đồng/cổ phần</i>).....	108
5. Phương pháp tính giá:	108
6. Phương thức phân phối	108
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	108
8. Đăng ký mua cổ phiếu	108
9. Phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:.....	109
10. Phương án xử lý cổ phiếu chưa bán hết và cổ phiếu lẻ:.....	109
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	110
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	111
13. Các loại thuế có liên quan	111
14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	112
15. Thông tin khác liên quan đến đợt phát hành của Ngân Hàng	113
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	113
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	114
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	115
IX. PHỤ LỤC.....	115

DANH MỤC HÌNH, BIỂU ĐỒ

Hình 1. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm.....	53
Hình 2. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm	54
Hình 3. Cơ cấu dư nợ thị trường I của SeABank qua các năm.....	55

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu tổ chức	34
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank và người có liên quan.....	35
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/06/2020 trên mức vốn thực góp hiện tại.....	35
Bảng 4. Quá trình tăng vốn.....	38
Bảng 5. Cơ cấu dư nợ thị trường theo kỳ hạn.....	55
Bảng 6. Phân loại nợ của Ngân hàng	56
Bảng 7. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	68
Bảng 8. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69
Bảng 9. Cơ cấu thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh của ngân hàng	69
Bảng 10. Báo cáo vốn chủ sở hữu	70
Bảng 11. Số lượng và cơ cấu người lao động (*)	77
Bảng 12. Tình hình tài chính.....	81
Bảng 13. Danh sách các thành viên HĐQT	83
Bảng 14. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc.....	91
Bảng 15. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát	98
Bảng 16. Tài sản cố định.....	102
Bảng 17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	103
Bảng 18. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết khác qua các năm	106

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các Cổ đông/Nhà Đầu Tư cần nhắc kỹ lưỡng các vấn đề nêu dưới đây và những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch này trước khi mua Cổ phiếu.

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của SeABank, và có thể ảnh hưởng đến giá Cổ phiếu và/ hoặc mức cổ tức dự kiến của Ngân hàng.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, SeABank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế vĩ mô, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tiền tệ, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, rủi ro pháp lý và các rủi ro cụ thể khác. Mặc dù SeABank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của SeABank.

1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua biến động khá mạnh và mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn và có thể làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới hoạt động, nhu cầu và khả năng chi trả cho dịch vụ tài chính của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đó tạo ra rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất...

Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2020 ước tính tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước trong khi GDP quý II/2020 ước tính tăng 0,36% so - mức tăng thấp nhất của Quý II các năm trong giai đoạn 2011-2020. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu (EU) đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, giá dầu thô giảm, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Mỹ và Iran và đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu dẫn đến Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục cắt giảm lãi suất, nhiều nước châu Âu đóng cửa biên giới nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan đã đe dọa chuỗi cung ứng và làm tăng nguy cơ thiếu hụt nguyên liệu sản xuất, sản phẩm tiêu dùng. Ở trong nước, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu là phòng chống và dập dịch, bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Mặc dù vậy nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm cho thấy hiệu quả trong chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân để đẩy lùi dịch bệnh, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, một số thách thức nội tại của nền kinh tế như: trình độ công nghệ còn thấp, năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa mạnh và chưa thực sự vững chắc; việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như

CPTPP, FTA với EU...) đòi hỏi yêu cầu cao hơn và phải thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, cả về thuế quan, mở cửa thị trường, sở hữu trí tuệ... mà không còn được hưởng các ưu đãi đặc thù cho giai đoạn chuyển đổi như trước.

Với những đặc điểm trên, nền kinh tế của Việt Nam mặc dù đạt được nhiều thành tựu vẫn tiềm ẩn rủi ro, ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp và cá nhân trong nền kinh tế và niềm tin của nhà đầu tư về kinh tế, thị trường tài chính Việt Nam và hoạt động của SeABank. Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế hoặc lạm phát, SeABank đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế, từ đó lựa chọn các lĩnh vực và phân khúc tăng trưởng bền vững hơn, ít chịu ảnh hưởng hơn từ các biến động kinh tế như các khoản vay ngắn hạn, áp dụng các sản phẩm phái sinh đối với các hợp đồng trung và dài hạn, chú trọng doanh thu phí từ các dịch vụ cơ bản như dịch vụ thanh toán, thẻ và đặc biệt là bảo hiểm... là các dịch vụ mà khách hàng luôn có nhu cầu kể cả trong điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Đồng thời, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng đã xây dựng Chiến lược phát triển SeABank trong giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030 phù hợp Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đã được Thủ tướng Chính phủ đã ban hành. Chiến lược phát triển của Ngân hàng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với cả tình hình kinh tế và các dự báo kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

2. Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của SeABank phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất. Bên cạnh đó, đầu năm 2020, Ngân hàng nhà nước đã và đang triển khai các giải pháp điều hành nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nền kinh tế, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19. Ngân hàng Nhà nước quyết định điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên. Những thay đổi chính sách vĩ mô hoàn toàn có thể dẫn tới khả năng thiếu chủ động của ngân hàng trong việc đối phó với rủi ro bởi những thay đổi của lãi suất trên thị trường và làm giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính ban đầu.

Để phòng tránh loại rủi ro này, trước hết, SeABank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng với các biện pháp cơ bản như:

- Thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile): mức chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất theo thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất (repricing), chỉ số đo lường tác động của thay đổi lãi suất bao gồm 01 hoặc 02 chỉ số sau đây: (i) thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in Net Interest Income - ΔNII): Là mức độ thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất từ các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khoản mục ngoại bảng có lãi suất trên sổ ngân hàng; (ii) thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Change in Economic

Value of Equity - ΔE) (là mức độ thay đổi của giá trị hiện tại ròng của dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả khi thay đổi của lãi suất);

- Sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Hiện tại, SeABank đã triển khai các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 và Thông tư số 40/2019/TT-NHNN ngày 30/8/2019 của Thống đốc NHNN (sau đây được gọi chung là “Thông tư số 13/2018/TT-NHNN”) và tiến tới xem xét và đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II. SeABank đang triển khai thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ. SeABank đã triển khai thành công dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Trong thời gian tới SeABank sẽ xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.
- Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng) đảm bảo tối thiểu bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
- Định kỳ các đơn vị có liên quan lập báo cáo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng nội bộ bằng văn bản theo quy định của SeABank, NHNN từng thời kỳ.
- Ngoài ra, SeABank còn áp dụng nhiều biện pháp khác để giảm thiểu rủi ro này, như SeABank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, đồng thời có thể sử dụng có chọn lọc các sản phẩm phái sinh. SeABank một mặt vẫn tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, mặt khác vẫn có biện pháp đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động. Ngoài ra, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank

(“ALCO”) đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất. Báo cáo về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường cho các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. SeABank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay để định hướng cho các hoạt động của mình. Một chiến lược khác của SeABank là phát triển các dịch vụ tiện ích, các hình thức thanh toán hiện đại để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

3. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

- Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SeABank, trừ các trường hợp khách hàng là đối tác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với SeABank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với SeABank trong giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Vì vậy, rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và SeABank nói riêng bởi các hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu của các NHTM Việt Nam. Hiện tại, hoạt động tín dụng thường chiếm từ 40 – 60% tổng tài sản của một NHTM và mang lại 60-80% thu nhập cho ngân hàng. Rủi ro tín dụng còn là loại rủi ro không thể tránh khỏi trong ngành ngân hàng, có thể đề phòng, hạn chế, chứ không thể loại trừ. Do vậy, việc tìm ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng luôn trở thành vấn đề mang tính sống còn, là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ ngân hàng nào.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 năm 2020, Ngân hàng nhà nước đã đưa ra mức cấp tín dụng cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng ở mức thấp hơn so với mục tiêu đặt ra đầu năm. Theo đó, việc được giao một hạn mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn sẽ giúp hướng tín dụng vào những lĩnh vực an toàn hơn, tránh nguy cơ các ngân hàng đẩy cho vay vào các phân khúc rủi ro cao và giảm mức độ cạnh tranh về huy động tiền gửi, nhờ đó giảm lãi suất huy động và tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay. Tuy nhiên khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế được dự

báo sẽ khá yếu và phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh và khả năng khởi động lại của nền kinh tế sau khi dịch kết thúc.

Để đối phó với các rủi ro tín dụng, SeABank đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Trước hết, việc quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN và của SeABank. Đồng thời, SeABank thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tối thiểu theo các nội dung sau: (i) Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng; (iii) Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

SeABank quản lý rủi ro tín dụng thông qua các hạn mức rủi ro tín dụng được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ bao gồm các hạn mức sau: (i) Hạn mức cấp tín dụng đối với đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm. Hạn mức rủi ro tín dụng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro tín dụng) đảm bảo tuân thủ Khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro tín dụng, đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng, các bộ phận, cá nhân tham gia vào hoạt động cấp tín dụng và phải được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank. Danh mục các hạn mức rủi ro tín dụng sẽ được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện và giám sát.

Việc đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank. SeABank xây dựng các công cụ định lượng và định tính để đo lường các rủi ro tồn tại trong danh mục tín dụng, tạo cơ sở cho việc quản lý, kiểm soát, điều chỉnh rủi ro tín dụng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng tại SeABank được thực hiện đối với từng khoản cấp tín dụng và toàn bộ danh mục cấp tín dụng:

- Đối với từng khoản cấp tín dụng: SeABank xây dựng các công cụ để đo lường, đánh giá mức độ rủi ro của Khách hàng, bao gồm: (i) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; (ii) Hệ thống cảnh báo sớm (EWS); (iii) Ngoài ra, trong dài hạn SeABank sẽ triển khai thu thập cơ sở dữ liệu, xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu để từng bước xây dựng mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), giá trị thực chịu rủi ro khi cấp tín dụng cho Khách hàng (EAD), tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), từ đó tính toán lỗ dự kiến (EL) cho từng Khách hàng, tạo nền tảng cho việc trích lập dự phòng và áp dụng lãi suất bù rủi ro cho từng khoản cấp tín dụng theo lộ trình triển khai Basel II.
- Đối với toàn bộ danh mục cấp tín dụng: theo lộ trình triển khai Basel II, SeABank sẽ xây dựng các công cụ nhằm đo lường lỗ không dự kiến (UL) cho danh mục tín dụng nhằm xác định mức vốn cần thiết để đảm bảo sự an toàn của SeABank đối với danh

mục tín dụng, xây dựng và giám sát bộ tiêu chí quản trị danh mục tín dụng, từ đó dự báo biên độ (nếu có) và phân tích, đánh giá chất lượng của danh mục, xây dựng các công cụ và kịch bản Stress test để dự đoán trạng thái danh mục tín dụng trong những điều kiện xấu nhất.

Việc kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng theo hạn mức rủi ro tín dụng được phân bổ đối với từng khoản cấp tín dụng, danh mục các khoản cấp tín dụng với tần suất tối thiểu được quy định từng thời kỳ, bao gồm: kiểm soát từ xa và kiểm tra tại chỗ đối với khách hàng để thu thập thông tin phục vụ cho việc theo dõi rủi ro tín dụng.

Tùy theo tình hình thực tế, nhu cầu và lộ trình triển khai Basel II, SeABank kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách quản lý, điều chỉnh phân bổ vốn và đảm bảo lượng vốn tương xứng với trạng thái rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, định hướng tín dụng (ngành, đối tượng...) và hạn mức tín dụng nhằm chủ động, linh hoạt kiểm soát rủi ro tín dụng; kịp thời điều chỉnh, giảm thiểu trạng thái rủi ro danh mục tín dụng thông qua các chính sách, chương trình/sản phẩm tín dụng, mua, bán nợ, sử dụng giá điều chỉnh rủi ro để bù đắp lỗ dự kiến (EL) đối với từng khoản cấp tín dụng và các hình thức khác theo quy định của Pháp luật, NHNN từng thời kỳ.

Kết quả của giám sát tín dụng phải được phản ánh trong hệ thống báo cáo tín dụng nội bộ theo quy định của SeABank, NHNN từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, SeABank thực hiện nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của NHNN và giám sát chặt chẽ các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Để theo dõi, giám sát danh mục tín dụng đa chiều hiệu quả, SeABank đưa ra các hạn mức rủi ro trên cơ sở khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ và luôn chủ động trong việc áp dụng công nghệ thông tin và các chuẩn mực quốc tế vào quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các vấn đề liên quan đến rủi ro tín dụng của Ngân hàng thường xuyên được báo cáo lên Ban lãnh đạo để kịp thời có các ứng xử tín dụng phù hợp.

Khi khách hàng không trả được nợ, SeABank chủ động thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng theo các quy định của NHNN.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của SeABank;
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi SeABank có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của SeABank;
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của SeABank.

Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm giảm thiểu lỗ của SeABank do những biến động về giá của các tài sản mà SeABank hiện có. Vì vậy, SeABank đã triển khai và áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường nhằm thống nhất quản trị rủi ro thị trường trên toàn hệ thống, đảm bảo phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Chiến lược rủi ro thị trường của SeABank quy định về mức độ trạng thái rủi ro thị trường của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa rủi ro thị trường, nguyên tắc quản lý rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường, điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất theo quy định nội bộ của SeABank, nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường (trong đó nêu rõ các công cụ phòng ngừa rủi ro thị trường, thẩm quyền phê duyệt các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường). Chi tiết chiến lược quản lý rủi ro thị trường sẽ được HĐQT ban hành thành văn bản riêng trong từng thời kỳ.
- Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thị trường được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ đảm bảo tối thiểu bao gồm:
 - Hạn mức rủi ro lãi suất: Hạn mức rủi ro lãi suất đối với danh mục sản phẩm giao dịch, hạn mức cho giao dịch viên, hạn mức cắt lỗ, hạn mức về tổng trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh;
 - Hạn mức rủi ro ngoại hối: Hạn mức về tổng trạng thái ngoại tệ dương tổng trạng thái ngoại tệ âm; hạn mức cho giao dịch viên; hạn mức cắt lỗ;
 - Hạn mức rủi ro giá hàng hóa: Hạn mức đối với danh mục sản phẩm giao dịch; hạn mức cho giao dịch viên; hạn mức cắt lỗ.

Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch có rủi ro thị trường, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank và được phổ biến, truyền thông cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.

- SeABank xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro và thực hiện đo lường trạng thái rủi ro thị trường toàn hàng với nhiều phương pháp khác nhau như: trạng thái mở, đánh giá lãi/lỗ, phân tích độ nhạy, giá trị chịu rủi ro, thử nghiệm khả năng chịu đựng rủi ro thị trường của SeABank trong các tình huống căng thẳng (Stress test)...
- Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro thị trường:
 - Căn cứ vào tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược quản lý rủi ro trong từng thời kỳ, các hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập, chỉnh sửa và cập nhật định kỳ nhằm kiểm soát rủi ro.
 - Trên cơ sở kết quả đo lường và phân loại rủi ro, SeABank chủ động kiểm soát và điều chỉnh danh mục tài sản của mình nhằm đưa trạng thái rủi ro thị trường của

SeABank về trạng thái mong muốn, phù hợp với hệ thống hạn mức và chiến lược quản lý rủi ro từng thời kỳ.

- Kết quả của giám sát rủi ro thị trường phải được phản ánh trong hệ thống báo cáo rủi ro thị trường nội bộ bằng văn bản theo quy định của SeABank, NHNN từng thời kỳ.

Riêng rủi ro ngoại hối, để phòng ngừa rủi ro này, SeABank đã triển khai xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền; đồng thời, xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh/quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả.

Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ ngoài dự đoán, SeABank sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options). Đối với các giao dịch cụ thể, SeABank còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình. Các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy bén và có một vai trò rất lớn bởi vì nó có thể giúp SeABank giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Cuối cùng, SeABank luôn hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích và dự báo tình hình biến động tỷ giá của các loại đồng tiền để đưa ra quyết định kịp thời trong việc mua, bán các hợp đồng ngoại tệ, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SeABank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc SeABank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của SeABank.

Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn. Khi trường hợp này xảy ra, các khoản huy động về mặt kỹ thuật sẽ phải hoàn trả theo yêu cầu của người gửi tiền. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng thì người gửi tiền sẽ rút tiền ra nhanh hơn việc người đi vay sẵn sàng trả nợ. Do vậy, rủi ro thanh khoản là rất

thực tế và thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank đã và đang áp dụng các giải pháp sau:

- Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài SeABank gây ra các ảnh hưởng trọng yếu cho SeABank và cần phải được xem xét trong mối liên hệ tính tới thanh khoản và nguy cơ rủi ro thanh khoản của SeABank.
- Xem xét quản lý rủi ro thanh khoản trong mối liên hệ với những rủi ro khác, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng...
- Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện SeABank hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản (bao gồm cả việc xác định tổn thất, chi phí khi tiếp cận thanh khoản trên thị trường).
- Xác định được chi phí đáp ứng nhu cầu thanh khoản và rủi ro thanh khoản trong việc định giá vốn nội bộ, đánh giá kết quả kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh trọng yếu (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng).
- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các nội dung cơ bản như: (i) Nguyên tắc để quản lý thanh khoản; (ii) Chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định Nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; (iii) Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản.
- Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thanh khoản được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ (i) quy định của pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi, tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, (ii) tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản. Hạn mức rủi ro thanh khoản được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch có rủi ro thanh khoản, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank, và được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.
- SeABank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. SeABank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ là rất quan trọng để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.
- SeABank ban hành quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái

thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả.

- SeABank cũng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (“Hội đồng ALCO”) để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.

Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Hơn nữa, chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng mang đến rủi ro của SeABank chủ yếu bao gồm các khoản cam kết cho vay và các hình thức bảo lãnh. SeABank dùng uy tín của mình để bảo đảm cho các giao dịch của khách hàng được phục vụ thuận lợi và thông suốt, đáp ứng các nhu cầu phát sinh của nhiều loại khách hàng. Do đó, các giao dịch cam kết và bảo lãnh nếu không được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả bởi các bên tham gia sẽ là nguồn phát sinh rủi ro, và trực tiếp tới khách hàng. SeABank đã và đang thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng trong đó phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản thế chấp. Ủy Ban Tín dụng (Hội sở/ Khu vực), Chuyên gia Phê duyệt Tín dụng có chức năng quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ và được xem xét như là một khoản cho vay. Do đó, SeABank đã áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng tương tự cho các hoạt động ngoại bảng (quản trị rủi ro tín dụng được mô tả ở mục IV/6/6.3 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn).

7. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật, có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến bản thân các ngân hàng và đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới cho nên hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời, không chính xác các văn bản pháp luật để điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với hoạt động ngân hàng.

Để thích nghi trong môi trường pháp lý ở Việt Nam, Khối Pháp chế & Tuân thủ SeABank – Thành viên Hiệp hội Pháp chế Doanh nghiệp luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống các văn bản pháp luật, tập huấn để phổ biến các văn bản chế độ, chính sách mới của Nhà nước

và của Ngân hàng tới toàn thể các cán bộ thông qua các bản tin pháp lý hàng tuần. SeABank đã xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm... mới nhằm đảm bảo hoạt động của SeABank là tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật nhất với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật. Bên cạnh đó, SeABank cũng luôn chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, chủ động kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong văn bản pháp luật.

Ngoài ra, trong từng mảng nghiệp vụ, SeABank đều ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ và các mẫu biểu nhằm đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ cao. Đội ngũ cán bộ pháp chế luôn được tăng cường đảm bảo tư vấn kịp thời cho mọi hoạt động của các Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh và được phân chia theo đối tượng khách hàng nhằm chuyên môn hóa và tối ưu hóa nguồn lực của đội ngũ Pháp chế.

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SeABank được xây dựng hệ thống và đồng bộ từ Hội sở chính đến từng chi nhánh và điểm giao dịch. Khối Pháp chế & Tuân thủ có Trung tâm Tuân Thủ giúp việc trực tiếp cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng Văn hóa Tuân thủ và triển khai kiểm tra, kiểm soát nội bộ trên toàn hệ thống. Đồng thời, SeABank cũng đã xây dựng hệ thống phòng thủ 3 cấp, trong đó các Phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuân thủ hoạt động độc lập và theo mô hình, tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới để đảm bảo hiệu quả, qua đó giúp SeABank hạn chế được các ảnh hưởng tiêu cực từ rủi ro này.

Hiện nay SeABank không ngừng nâng cao năng lực thích nghi, tăng cường chất lượng nguồn lực bao gồm nhân sự, cơ sở vật chất, hệ thống để đáp ứng sự thay đổi ngày càng phức tạp hơn của thị trường tài chính tại Việt Nam. Do vậy, có thể đánh giá, rủi ro pháp lý chưa phải là rủi ro trọng yếu đối với SeABank trong thời gian tới, tuy nhiên đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm ẩn đối với các nhà đầu tư cổ phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành hoặc SeABank không thu được số tiền như đã dự kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch mở rộng huy động vốn của Ngân hàng. Thêm nữa, khi phát hành thêm cổ phiếu thì ngân hàng còn phải tính thêm đến rủi ro pha loãng với khả năng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng trong khi lợi nhuận vẫn giữ nguyên hoặc không đạt mức kỳ vọng so với mức vốn điều lệ mới, nghĩa là thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) giảm đi.

Trong bất kỳ một đợt chào bán nào, khả năng rủi ro nêu trên đều có thể xảy ra. Tuy nhiên, SeABank với một chiến lược định hướng phát triển ổn định, năng lực tài chính vững mạnh, có bề dày uy tín và thương hiệu đã được khẳng định nên cổ phiếu của SeABank có sức hấp dẫn trên thị trường và được ưu tiên lựa chọn đầu tư đối với các nhà đầu tư. Tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng được đánh giá là đã bước qua đáy của đợt khủng hoảng để vào giai đoạn phục hồi. Tín hiệu tích cực từ nền kinh tế sẽ tạo nên niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển của SeABank trong thời gian tới.

Để vươn đến mục tiêu là một Ngân hàng TMCP tiêu biểu của Việt Nam, SeABank đã xây dựng một chiến lược bài bản và thận trọng. Tương ứng với chiến lược này là một lộ trình tăng vốn bài bản và chi tiết. Toàn bộ số lượng tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để nâng cấp và mở rộng kinh doanh, đầu tư nâng cấp công nghệ, nâng cao hệ số an toàn, trong đó phần lớn được sử dụng để đưa vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Rủi ro phát sinh theo đó cũng là các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Ngân hàng đã được trình bày tại Phần I của Bản Cáo bạch này.

9. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu này sẽ làm phát sinh rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS);
- Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS);
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

❖ Pha loãng giá trị sổ sách và pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu:

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SeABank dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của SeABank được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2019 (theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán) và kế hoạch kinh doanh năm 2020 của SeABank và với giả định SeABank hoàn thành đợt phát hành, cổ phiếu được chuyển giao cho nhà đầu tư vào tháng 8/2020, ảnh hưởng của việc chào bán cổ phiếu lên giá trị sổ sách và EPS được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019	triệu đồng	(1)	1.098.452
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 (hợp nhất)	triệu đồng	(2)	10.925.842
Lợi nhuận sau thuế năm 2019 sau khi phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	triệu đồng	(3)	1.076.153
Lợi nhuận sau thuế năm 2020 (dự kiến)	triệu đồng	(4)	1.205.693
Lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau khi phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (dự kiến)	triệu đồng	(5)	1.185.693
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân năm 2019	cổ phiếu	(6)	813.012.603

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2019	cổ phiếu	(7)	936.900.000
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2020 (nếu không phát hành)	triệu đồng	(8)	12.179.535
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2020 (sau phát hành, giả sử hoàn tất phát hành trong tháng 10/2020)	triệu đồng	(9)	13.586.875
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	(10)	140.734.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	(11)	131.166.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2020 (nếu không phát hành)	<i>cổ phiếu</i>	(12)	936.900.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2020 (sau phát hành)	<i>cổ phiếu</i>	(13)=(7)+(10)+(11)	1.208.800.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2020 (sau khi phát hành), giả định phát hành xong tháng 10/2020	<i>cổ phiếu</i>	(14)=[(12)*10+(13)*2]]/12	982.216.667
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019	đồng/cổ phiếu	(15)=(2)/(7)	11.662
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 dự kiến (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(16)=(8)/(12)	13.000
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 dự kiến (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(17)=(9)/(13)	11.240
EPS năm 2019	đồng/cổ phiếu	(18)=(3)/(6)	1.324
EPS dự kiến năm 2020 (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(19)=(5)/(12)	1.266
EPS dự kiến năm 2020 (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(20)=(5)/(13)	1.207

Như vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng lên, EPS dự kiến năm 2020 có thể bị pha loãng từ 1.266 đồng/cổ phiếu xuống 1.207 đồng/cổ

phiếu và giá trị sổ sách dự kiến tại 31/12/2020 sẽ bị pha loãng từ 13.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 11.240 đồng/cổ phiếu.

❖ **Pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:**

Việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu (khối lượng phát hành dự kiến là 140.734.000 cổ phiếu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành là 15,0212%). Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi khối lượng chào bán vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông.

Đối với các cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua cao, cổ đông đã có sự chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

Song song với đợt phát hành chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, SeABank cũng thực hiện đồng thời việc phát 131.166.000 cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận còn lại chưa phân phối (hợp nhất) đến thời điểm 31/12/2019. Việc trả cổ tức bằng cổ phiếu không làm ảnh hưởng tới pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Cổ đông.

10. Rủi ro khác

a) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (“RRHD”) là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SeABank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Một số công cụ chính để quản lý RRHD đã triển khai tại SeABank như sau:

- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro hoạt động với các biện pháp sau:
 - i. Thiết lập các nguyên tắc thực hiện quản lý rủi ro hoạt động, nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ.
 - ii. Lập kế hoạch và diễn tập các phương án để duy trì hoạt động liên tục trong các trường hợp như mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng, hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố, các sự kiện bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, cháy nổ...).
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, nhận dạng RRHD trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai, cảnh báo các rủi ro đã phát sinh và/hoặc đang có chiều hướng tăng lên, nhằm đưa ra các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và quản lý RRHD phù hợp;
- Nhận diện rủi ro hoạt động, thu thập và tạo ra kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động thông qua:
 - i. Thực hiện các chương trình đánh giá rủi ro trọng yếu nhằm nhận diện các lĩnh vực rủi ro cao để đưa ra biện pháp giảm thiểu;
 - ii. Hướng dẫn các đơn vị tự đánh giá rủi ro hoạt động bằng hệ thống bảng câu hỏi hoặc các tiêu chí đơn giản, dễ thực hiện để thu thập báo cáo đánh giá hiện trạng rủi ro hoạt động tại các đơn vị. Rủi ro hoạt động được nhận diện và đánh giá bởi chính

các nhân viên thực hiện quy trình tại các đơn vị kinh doanh, đơn vị vận hành và đơn vị hỗ trợ.

- Việc kiểm soát rủi ro hoạt động được thực hiện trên cơ sở các công cụ đo lường rủi ro hoạt động thông qua việc lượng hóa tổn thất xảy ra bằng các phương pháp sau:
 - i. Sử dụng các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát Tuân thủ;
 - ii. Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài;
 - iii. Tự đánh giá các chốt kiểm soát rủi ro hoạt động để xác định hiệu quả của hoạt động kiểm soát đối với rủi ro hoạt động trước và sau khi kiểm soát;
 - iv. Xây dựng, theo dõi và kiểm soát các chỉ số rủi ro hoạt động trọng yếu;
 - v. Hướng tới áp dụng thêm hai (02) phương pháp trong việc đo lường, lượng hóa rủi ro hoạt động bao gồm: Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ và Phân tích kịch bản để hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động của Ngân hàng.
- SeABank quản lý chặt chẽ hoạt động thuê ngoài đảm bảo việc sử dụng dịch vụ thuê ngoài không gây tình trạng lệ thuộc, không ảnh hưởng đến việc bảo mật cơ sở dữ liệu, thông tin khách hàng của SeABank và đạt hiệu quả cao hơn việc tự thực hiện.
- Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được xây dựng cho các trường hợp tối thiểu theo yêu cầu của NHNN (mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ,...) và hướng tới xây dựng cho các hoạt động trọng yếu hoặc có tác động đến phạm vi lớn của ngân hàng (hệ thống thanh toán, truyền thông, kho quỹ,...).
- Kết quả của giám sát rủi ro hoạt động được phản ánh trong hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động nội bộ bằng văn bản theo quy định của SeABank, NHNN từng thời kỳ.
- Thiết lập và duy trì khung quản lý RRHĐ tổng thể cho toàn Ngân hàng bao gồm xây dựng chiến lược, khẩu vị rủi ro, quy chế, quy định, quy trình, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các công cụ, hệ thống đo lường, giám sát, báo cáo RRHĐ.
- Xây dựng hệ thống Risk Profile - cấu phần RRHĐ trong đó: xây dựng cơ sở dữ liệu RRHĐ, các chỉ số rủi ro chính (KRIs) và hệ thống báo cáo phù hợp cung cấp thông tin đa chiều cho các cấp quản lý (chi nhánh, trụ sở chính, toàn hệ thống...) tổng hợp các thông tin về RRHĐ, cung cấp bức tranh toàn diện về quản trị rủi ro của ngân hàng.
- Thiết lập công cụ tự đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các hoạt động/nghiệp vụ hiện hành tại Ngân hàng (RCSA). Trên cơ sở đó, các đơn vị chịu rủi ro thường xuyên thực hiện đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các quy định, quy trình, sản phẩm sửa đổi/ mới ban hành để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp.
- Nhận diện những rủi ro mang tính chủ quan và khách quan có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp hàng ngày tại trụ sở chính và chi nhánh, chủ động thực hiện chuyên giao rủi ro theo mục tiêu chung của SeABank.
- Nghiên cứu, thiết lập và duy trì hệ thống ngăn chặn thất thoát dữ liệu (Data Loss Prevention-DLP) giúp ngân hàng hạn chế tối đa nguy cơ rò rỉ thông tin, và cảnh báo một số trường hợp vi phạm tiềm ẩn nguy cơ gây thất thoát thông tin cho ngân hàng đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh phát triển bền vững.

- Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo RRHĐ định kỳ tối thiểu 06 tháng hoặc đột xuất để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống quản trị RRHĐ tại Ngân hàng.

Về rủi ro Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (“PCRT/TTKB”) và tuân thủ bên ngoài:

Để thực hiện quản lý rủi ro rửa tiền hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, SeABank đã thiết lập cơ bản đầy đủ hệ thống chính sách liên quan, cụ thể: xây dựng/chỉnh sửa quy định chung PCRT/TTKB, chính sách chấp nhận khách hàng, quy trình nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng (KYC), quy trình báo cáo rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, quy trình rà soát và phê duyệt yếu tố cấm vận của giao dịch (WLF) tại SeABank nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn hoạt động và hướng tới thông lệ quốc tế. SeABank cũng đã thiết lập chương trình đào tạo PCRT/TTKB hàng năm cho CBNV mới và cho lãnh đạo, CBNV ở tất cả các đơn vị bao gồm trụ sở chính và chi nhánh theo vị trí công việc. Nội dung đào tạo hàng năm thường xuyên cập nhật các thay đổi theo quy định pháp luật, quy định nội bộ, các cơ chế rửa tiền mới và rút ra bài học kinh nghiệm cho CBNV.

Về công tác phòng chống gian lận:

SeABank đã ban hành Quy định phát hiện và xử lý gian lận, giả mạo trong hoạt động tín dụng, Quy trình quản lý sự kiện rủi ro, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp để thống nhất khái niệm, nội dung liên quan, các công cụ phòng ngừa, phát hiện, phản hồi các sự kiện vi phạm, quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan. SeABank chú trọng thực hiện phòng ngừa gian lận nội bộ qua việc thiết lập văn hóa tuân thủ, trung thực qua các quy tắc đạo đức, tiêu chuẩn nghề nghiệp rõ ràng, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp, công khai, thiết lập môi trường kiểm soát hiệu quả đối với mọi hoạt động trọng yếu mới hoặc khi có thay đổi, thực hiện công tác truyền thông, đào tạo cho mọi cán bộ ở các vị trí.

SeABank thiết lập cơ chế báo cáo rõ ràng và đa dạng về hình thức. Ngoài ra, các đơn vị nghiệp vụ còn quản lý các hệ thống email, trao đổi nội bộ, hệ thống giao dịch, hệ thống báo cáo để quản lý hoạt động của từng nghiệp vụ. Cấp quản lý của từng hoạt động nghiệp vụ có trách nhiệm giám sát, phát hiện các giao dịch bất thường tiềm ẩn rủi ro vi phạm gian lận nội bộ

b) Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”) có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau như: SeABank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng (hacker)...

Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. SeABank đã có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin (“ATTT”) toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm ATTT tổng thể, có chiều sâu. Bên cạnh đó, với đặc điểm ngân hàng có mạng lưới rộng (nhiều phòng giao dịch, chi nhánh trên khắp cả nước), SeABank luôn chú trọng đẩy mạnh công tác

hậu kiểm, giám sát, kiểm soát chéo về ATTT nhằm bảo đảm phát hiện sớm các rủi ro CNTT và kịp thời xử lý.

Đối với khách hàng, SeABank cũng thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ATTT khi khách hàng thực hiện giao dịch. Đối với một số tình huống tấn công, mã độc mới xảy ra trong thời gian vừa qua như Zeus, OpenSSL HeartBleed..., SeABank đã kịp thời cảnh báo cho khách hàng, đồng thời luôn chủ động củng cố, rà soát, tăng cường các biện pháp bảo đảm ATTT chặt chẽ trên toàn hệ thống và không để xảy ra rủi ro.

c) Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của SeABank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố...

Rủi ro dịch bệnh hiểm nghèo, cụ thể là đại dịch Covid-19 đã lan ra nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ. Đến nay trên thế giới, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế xã hội toàn cầu và Việt nam, trong đó hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực.

Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của SeABank. Do vậy, rủi ro này tùy theo từng thời điểm có thể gây những ảnh hưởng cục bộ, theo từng lĩnh vực nhất định. Để hạn chế các rủi ro này, SeABank áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, chủ động mua bảo hiểm..., đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành:

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Ông: Lê Văn Tân Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Đoàn Thị Thanh Hương Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Bà: Lê Thu Thủy Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Hoài Phương Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean

Đại diện: Bà Lê Thị Thanh Bình Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đông Nam Á cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Những từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- 1.1. HDQT: Hội đồng Quản trị
- 1.2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- 1.3. TCTV: Tổ chức tư vấn
- 1.4. CBNV: Cán bộ Nhân viên
- 1.5. NHTM: Ngân hàng Thương mại

2. Trong Bản cáo bạch này, những từ những dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1 “Điều lệ”: Điều lệ của SeABank đã được Đại hội đồng cổ đông của SeABank thông qua theo quy định.
- 2.2 “Vốn điều lệ”: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại.¹
- 2.3 “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau.
- 2.4 “Cổ phiếu”: là chứng chỉ do SeABank phát hành phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của SeABank.²
- 2.5 “Cổ tức”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của SeABank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 2.6 “Cổ đông”: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của SeABank và đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông của SeABank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.
- 2.7 “Ban Tổng Giám đốc”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
- 2.8 “Người có liên quan”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:³
 - a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

¹ Khoản 29 Điều 4 và Khoản 1 Điều 111 LDN 2014

² Điều 120 LDN 2014

³ Khoản 28 Điều 4 Luật TCTD 2010

- c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
- e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
- g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.
- h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

2.9 “Năm tài chính”: Năm mươi hai tháng tính từ 0h00 ngày 01 tháng 01 đến 24h00 ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tổng quan về Ngân Hàng và tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1. Thông tin tổng quan về Ngân Hàng

- Tên tiếng Việt : Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Tên tiếng anh : SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt : SeABank
- Trụ sở : Số 25, Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : 024 3944 8688 Fax: 024 3944 8689
- Website : <https://seabank.com.vn/>
- Vốn điều lệ thực góp: 9.369.000.000.000 đồng (*Chín nghìn ba trăm sáu mươi chín tỷ đồng*)
- Logo :  **SeABank**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/1/2005, thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thành lập từ năm 1994, SeABank trải qua chặng đường 26 năm phát triển để đạt được thành tựu hôm nay với tổng tài sản tính đến 30/06/2020 đạt hơn 161,5 nghìn tỷ đồng và một mạng lưới hoạt động trên khắp 3 miền đất nước với 165 chi nhánh và phòng giao dịch tại 25 tỉnh thành trên toàn quốc. Năm 2019, SeABank đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 7.688 tỷ đồng lên 9.369 tỷ đồng.

Bằng nội lực của chính mình, SeABank vươn lên khẳng định vị thế bằng những giá trị thực chất và hiệu quả. Với những giá trị nổi bật đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước, SeABank vinh dự được Chủ tịch nước khen tặng Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2017. Bên cạnh đó, những nỗ lực không ngừng của SeABank trong hoạt động ngân hàng và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã được ghi nhận bằng nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cũng như của các cơ quan quản lý trong nước và nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao qua các giải thưởng, gần đây nhất là Cờ thi đua của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Thương hiệu Ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Global Brands Magazine bình chọn, Doanh nghiệp xuất sắc nhất 2019 do Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới bình chọn, Top 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do The Asian Banker trao tặng và nhiều giải thưởng khác.

Bên cạnh các thành tích tập thể, cá nhân Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị SeABank cũng được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì năm 2016, được Hội nghị Doanh nhân Nữ ASEAN bình chọn là Nữ Doanh Nhân có tầm ảnh hưởng lớn khu vực ASEAN 2020, được bầu chọn là Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu 2019

nhận Cúp Thánh Gióng của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương và VCCI, được Forbes Việt Nam bầu chọn Top 50 phụ nữ có ảnh hưởng nhất Việt Nam 2017, và nằm trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á 2014 do Tạp chí Forbes nổi tiếng bình chọn, được diễn đàn kiến thức thế giới vinh danh “Doanh nhân tiêu biểu Asean 2016...”

Quá trình hình thành và phát triển của SeABank

- Tháng 03/1994: Ngân hàng TMCP Hải Phòng (tiền thân của SeABank) được thành lập tại Hải Phòng.
- Tháng 9/2002: Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – SeABank.
- Tháng 3/2005: Chính thức chuyển Hội sở từ Hải Phòng về 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội, mở đầu cho việc phát triển mạnh mẽ về quy mô mạng lưới giao dịch, tài sản, nguồn vốn, và các hoạt động ngân hàng khác.
- Tháng 12/2006: Ứng dụng thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos hiện đại bậc nhất thế giới chỉ trong vòng 01 năm triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để SeABank có thể ban hành các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng, hiện đại và chuyên nghiệp.
- Tháng 8/2007: Mobifone trở thành cổ đông chiến lược trong nước của SeABank.
- Tháng 11/2007: Ký kết hợp đồng chuyển giao giải pháp công nghệ thẻ Way4 với hãng Open Way (Bi), và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tích hợp thành công Way4 với T24 Temenos, mở đầu cho việc cho ra đời hàng loạt sản phẩm thẻ an toàn, tiện ích và đa năng của SeABank.
- Tháng 12/2007: Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, trở thành một trong bốn ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.
- Tháng 3/2008: Chính thức phát hành thẻ ghi nợ nội địa S24+.
- Tháng 8/2008: Société Générale (Pháp) - tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu Châu Âu trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của SeABank.
- Tháng 12/2008: Tăng vốn điều lệ lên 4.068 tỷ đồng, trở thành một trong năm Ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.
- Tháng 6/2009: Chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ.
- Tháng 12/2009: Trở thành thành viên chính thức của hai tổ chức thẻ quốc tế lớn nhất thế giới là MasterCard và Visa Card.
- Tháng 12/2009: Chuyển trụ sở chính về 25 Trần Hưng Đạo, p. Phan Chu Trinh, q. Hoàn Kiếm, tp. Hà Nội, phát hành thêm thẻ ghi nợ nội địa S24++, Family Card và tăng vốn điều lệ lên 5.068 tỷ đồng, trở thành một trong tám Ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.
- Tháng 1/2010: Chính thức công bố bộ nhận diện thương hiệu mới.
- Tháng 3/2010, SeABank được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 752/UBCK-QLPH ngày 19/3/2010.
- Tháng 8/2010: SeABank được Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen “đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2007 đến năm 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, là ngân hàng TMCP duy nhất được nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.

- Tháng 8/2010: SeABank được xếp hạng 44/1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2009.
- Tháng 10/2010: SeABank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á được trao tặng Giải thưởng Doanh nghiệp ASEAN – ABA 2010 trong tiêu chí Đổi mới.
- Tháng 10/2010: Tăng vốn điều lệ lên gần 5.335 tỷ đồng, trở thành một trong tám ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.
- Tháng 11/2010: Chính thức phát hành thẻ quốc tế SeABank MasterCard sử dụng công nghệ Chip EMV có độ an toàn và bảo mật cao nhất.
- Tháng 12/2010: SeABank được xếp hạng 300/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và 85/500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Năm 2011, SeABank thành lập Văn phòng Đại diện Tp. Hồ Chí Minh ở địa chỉ Tòa nhà AB Tower - 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 30/5/2011, đánh dấu những quyết tâm chiến lược phát triển mạng lưới hoạt động tại khu vực miền Nam và định hướng ngân hàng bán lẻ tiêu biểu. Trong năm 2011, SeABank tăng gần 50 điểm giao dịch, đưa tổng số điểm giao dịch lên 150 tại 22 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- Ngày 06/12/2011, SeABank ban hành Bộ quy định về Dịch vụ Ngân hàng Điện tử thống nhất tất cả các dịch vụ ngân hàng từ xa cung cấp đến khách hàng qua: SMS, Email, Điện thoại, Internet và các sản phẩm SeANet, SeAMobile và SeACall.
- Tháng 8/2011, SeABank nhận giải thưởng “International Arch of Europe Award for Quality and Excellence (IAE)”- giải thưởng đặc biệt cho doanh nghiệp có thành tựu kinh doanh đáng ghi nhận trong năm - do Hội đồng sáng kiến kinh doanh (Business Initiative Direction - BID) của CHLB Đức bình chọn và trao tặng.
- Tháng 12/2011 SeABank đã khai trương Trung tâm Đào tạo tại khu vực miền Bắc theo mô hình chi nhánh thực hành (School Branch) và trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai quy chuẩn đào tạo gắn liền với thực hành nghiệp vụ cho nhân viên ngân hàng.
- Tháng 9/2011, SeABank phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa và trước đó, tháng 12/2010, là thẻ quốc tế MasterCard sử dụng công nghệ thẻ Chip EMV với các tính năng nổi bật nhất hiện nay về bảo mật nhằm mang lại chất lượng dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng. Thẻ của SeABank được chấp nhận tại hàng triệu máy ATM và hàng chục triệu POS tại Việt Nam và trên toàn thế giới, nâng tỷ lệ chấp nhận thẻ của SeABank trên thị trường lên 98%.
- Tháng 11/2011, Hội Tin học Việt Nam đã xếp hạng SeABank trong top 5 các ngân hàng dẫn đầu về ứng dụng CNTT của bảng xếp hạng ICT Index 2011. SeABank luôn có tỷ lệ 100% chi nhánh, điểm giao dịch đã triển khai thành công ứng dụng phần mềm quản trị Ngân hàng Lõi - Core Banking T24 Temenos. SeABank cũng tiến hành đầu tư vào cơ sở hạ tầng CNTT nhằm mục đích cung cấp các dịch vụ tốt nhất đến khách hàng. SeABank đã đưa vào hoạt động Datacenter theo tiêu chuẩn quốc tế TIE III tại Hội sở (25 Trần Hưng Đạo, Hà Nội) cùng với hệ thống chuyển mạch Cisco Nexus 7000, hệ thống Server IBM P595 và hệ thống Storage cao cấp HP XP 2400, tất cả đã góp phần đảm bảo các hoạt động hỗ trợ CNTT cho hoạt động Ngân hàng an toàn và ổn định.
- Năm 2011, SeABank là một trong những ngân hàng đầu tiên trong hệ thống thanh toán tự động liên ngân hàng tại Việt Nam chấp nhận thanh toán tất cả các loại thẻ tín dụng quốc tế tại Việt Nam. 06 loại thẻ quốc tế nổi tiếng nhất thế giới bao gồm Visa,

MasterCard, CUP, American Express, JCB và Diners Club đều được chấp nhận tại hệ thống ATM của SeABank. Bên cạnh đó, hệ thống ATM của SeABank cũng đã chấp nhận hầu hết các loại thẻ nội địa do các ngân hàng trong nước phát hành.

- Năm 2011, toàn bộ điểm giao dịch của SeABank trên toàn quốc đều được triển khai chuẩn nội – ngoại thất theo mô hình ngân hàng bán lẻ đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo bảo vệ kỹ thuật, mỹ thuật và nhận diện thương hiệu.
- Năm 2011, SeABank đã tích cực tham gia nhiều hoạt động xã hội, ủng hộ các quỹ từ thiện tạo dựng hình ảnh thương hiệu SeABank lan tỏa như một ngân hàng năng động, vì cộng đồng. Những hoạt động tiêu biểu trong năm 2011 bao gồm hoạt động chương trình truyền hình tìm kiếm người thân “Như chưa hề có cuộc chia ly”, tham gia ủng hộ Hội nạn nhân chất độc da cam Hà Nội, tham gia cuộc đi bộ “Vì trẻ em- Sao Vàng đất Việt 2011”, tài trợ đêm gala từ thiện của Trung tâm y học Quốc tế thuộc hiệp hội Alain carpentier (Pháp), quyên góp ủng hộ người dân Nhật Bản chịu thảm họa động đất – sóng thần qua chương trình “Helping Japan with love”, cuộc thi làm phim thiếu nhi do Đại sứ quán Nhật Bản tổ chức.
- Tháng 1/2012, SeABank chính thức đưa vào sử dụng Hệ thống dịch vụ Ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ, đủ tiện ích đầu tiên tại Việt Nam, mang lại đa dạng loại hình dịch vụ và thuận tiện cho khách hàng. SeABank cũng ký kết Hợp đồng và trở thành Đại lý chính của Western Union. Với việc trở thành đại lý chính của Western Union không những giúp mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ đẳng cấp quốc tế mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ của Ngân hàng.
- Năm 2012, SeABank chính thức được Ngân hàng Nhà nước xếp hạng Nhóm 1 - nhóm dành cho các tổ chức tín dụng có hoạt động lành mạnh; được chọn vào danh sách các ngân hàng phục vụ các dự án ODA.
- Năm 2012 là năm thứ 2 liên tiếp SeABank nhận giải thưởng Thanh toán quốc tế xuất sắc của Wells Fargo và Giải Bạch kim về Cam kết Chất lượng đẳng cấp quốc tế của tổ chức Business Initiative Directions (B.I.D - CHLB Đức).
- Vì những giá trị sáng tạo trong việc phát triển đa dạng danh mục sản phẩm dịch vụ tài chính theo chuẩn mực kinh doanh quốc tế, SeABank được Global Banking & Finance Review, một diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh, bình chọn là “Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2012”.
- Tháng 10/2012, SeABank vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba do những thành tích nổi bật đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2007-2011. Cá nhân Chủ tịch HĐQT SeABank, bà Nguyễn Thị Nga cũng vinh dự được Chủ tịch nước khen tặng Huân chương Lao động Hạng Ba vì những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển ngành ngân hàng và nâng cao năng lực của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.
- Tháng 4/2013, SeABank được Tạp chí The Asian Banker trao giải thưởng Ngân hàng có ứng dụng điện toán đám mây tốt nhất Việt Nam.
- Tháng 8/2013, SeABank vinh dự được The Banker (Financial Times) trao tặng danh hiệu “Ngân hàng Của Năm” - Bank of The Year.
- Tháng 10/2013, SeABank chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 5.466 tỷ đồng.
- Tháng 12/2013, SeABank được Tổ chức VNR500 xếp hạng 101/500 top các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam xét về doanh thu, quy mô vốn, tổng tài sản và nghĩa vụ thuế.

- Tháng 12/2013, SeABank tham gia cùng với Vietcombank đồng tài trợ gói tín dụng 150 triệu USD cho dự án Phát triển Khai thác dầu khí cụm mỏ Gấu Chúa – Cá Chó của Tổng công ty khai thác dầu khí PVEP thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN).
- Tháng 4/2014, lần thứ 5 liên tiếp SeABank được Bộ Công thương trao giải “Thương mại dịch vụ hàng đầu – Top Trade Services” nhằm ghi nhận những thành tích đổi mới và phát triển không ngừng của SeABank trong thời gian qua về phát triển sản phẩm mới và đảm bảo chất lượng dịch vụ. Trước đó SeABank đã được Bộ Công thương bình chọn và trao tặng giải thưởng này các năm 2007, 2008, 2009 và 2010.
- Tháng 5/2014, SeABank là Ngân hàng đầu tiên phát hành Thẻ đồng thương hiệu MobiFone-SeABank Visa tích hợp ưu đãi Hội viên Kết nối dài lâu của MobiFone và đặc quyền chủ thẻ Visa Platinum của SeABank.
- Tháng 5/2014: SeABank cùng Vietcombank, Eximbank đồng tài trợ 158,7 triệu USD cho dự án “Đầu tư mua giàn khoan tự nâng 400 feet nước PV Drilling VI” của PV Drilling Overseas.
- Tháng 8/2014: SeABank tài trợ 60 triệu USD cho Vietnam Airlines mua máy bay Airbus A321.
- Tháng 12/2014: SeABank được chứng nhận chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2014” do Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức) và Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng.
- Tháng 3/2015: SeABank nhận giải thưởng cam kết chất lượng dịch vụ đẳng cấp quốc tế - hạng Kim Cương (International Quality Crown Award London 2014 - Diamond) do Tổ chức Business Initiative Directions (B.I.D) - Tây Ban Nha trao tặng lần thứ 3.
- Tháng 5/2015: SeABank nhận giải thưởng dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam 2015 (Best Corporate Services Bank Vietnam 2015) do International Finance Magazine (Vương quốc Anh) trao tặng.
- Tháng 8/2015: SeABank nhận giải thưởng "Hệ thống quản trị lõi ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2015" (Best Core Banking System Implementation Vietnam 2015) do Tổ chức Global Banking & Finance Review (GBAF) - Vương quốc Anh trao tặng lần thứ 4.
- Tháng 11/2015: SeABank lọt Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam – Vietnam Leading Brands 2015.
- Tháng 3/2016: SeABank nhận giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm vay mua ô tô tốt nhất Việt Nam (Best auto-loan products - Vietnam country awards 2016) do The Asian Banker trao tặng.
- Tháng 7/2016: SeABank và Ngân hàng Michinoku Bank (Nhật Bản) ký kết Hợp tác chiến lược tài trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam – Nhật Bản.
- Tháng 10/2016: SeABank và Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam (Coca-Cola) đã tổ chức “Lễ ký Thỏa thuận hợp tác toàn diện”.
- Tháng 11/2016, Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch Hội đồng Quản trị SeABank được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Tháng 9/2017: Chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trở thành “ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất”.

- Tháng 11/2017, SeABank được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì theo Quyết định số 2365/QĐ-CTN ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2012 đến năm 2016, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Tháng 12/2017: Asian Banker đánh giá SeABank nằm trong nhóm 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
- Tháng 05/2018: SeABank bổ nhiệm Tổng Giám đốc Ms. Lê Thu Thủy.
- Tháng 06/2018: SeABank chính thức tiếp nhận Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện từ Tập đoàn VNPT và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện trở thành Công ty con của SeABank.
- Tháng 10/2018: SeABank vinh dự nhận giải thưởng thương quốc tế: “Ngân hàng có dịch vụ quản lý tài sản tốt nhất” của Tạp chí The Asset (Hong Kong) và Tổng Giám đốc Ms. Lê Thu Thủy được trao giải thưởng “Tân Tổng Giám đốc Ngân hàng xuất sắc nhất” của Tạp chí International Finance Magazine.
- Tháng 12/2018: SeABank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu cho CBCNV, phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu. Trong đó số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV là 23 triệu cổ phiếu).
- Tháng 5/2019: SeABank tổ chức chuỗi giải chạy cộng đồng lần 2 “SeABank Run For The Future” gây quỹ học bổng “Ươm mầm ước mơ” tại Hà Nội và Hồ Chí Minh
- Tháng 7/2019: SeABank ký thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực fintech, phát triển thành phố thông minh với Tập đoàn BRG, Tập đoàn viễn thông VNPT và Tập đoàn Sumitomo – Nhật Bản.
- Tháng 8/2019: SeABank được Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới (Worldcob) trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc nhất và Doanh nghiệp truyền cảm hứng năm 2019. Tổng Giám đốc Lê Thu Thủy được Worldcob bình chọn là Lãnh đạo doanh nghiệp đi đầu trong việc vận hành doanh nghiệp một cách sáng tạo, hiểu biết và có hệ thống.
- Tháng 9/2019, SeABank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 7.688 tỷ đồng lên 9.369 tỷ đồng (tăng 1.681 tỷ đồng). Việc tăng vốn này nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh của Ngân hàng cũng như đáp ứng được chuẩn Basel II.
- Tháng 10/2019, Moody’s – một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank.
- SeABank đồng thời hoàn thành trước thời hạn việc triển khai Basel II nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, chất lượng dư nợ tín dụng, cải thiện các chỉ số an toàn của Ngân hàng, triển khai đầy đủ các công cụ để kiểm soát và đáp ứng được các quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN.
- Tháng 12/2019: SeABank hoàn thành việc mua lại trước thời hạn toàn bộ trái phiếu đặc biệt tại VAMC.
- Tháng 12/2019: SeABank vinh dự được The Asian Banker bình chọn nằm trong Top 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.
- Tháng 1/2020: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019 - VNR500 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report bình chọn.

- Tháng 2/2020: Thương hiệu ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Tạp chí Global Brands Magazine bình chọn.
- Tháng 3/2020: Giải thưởng “Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020” do International Business Magazine và “Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng” do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng.
- Tháng 6/2020: Thương hiệu tiêu biểu châu Á- Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương bình chọn.
- Tháng 7/2020: Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội dành cho SeABank theo QĐ số 3336/QĐ - UBND ngày 29/7/2020.
- Tháng 8/2020: Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 (“30 Best Tech Companies in Asia 2020”) do Tạp chí The Silicon Review trao tặng.

Các danh hiệu và phần thưởng cao quý SeABank được trao tặng trong thời gian qua

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
1	"Huân chương Lao động Hạng Nhì" do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam khen tặng SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch HĐQT vì đã có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn 2011-2016.
2	"Ngân hàng có dịch vụ tài trợ thương mại xuất sắc nhất Việt Nam 2014" do Global Banking & Finance Review (GBAF) - diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh bình chọn cho những nỗ lực liên tục của ngân hàng trong việc cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại cho các doanh nghiệp trong nước.
3	"Ngân hàng có dịch vụ thẻ tín dụng đồng thương hiệu xuất sắc nhất Việt Nam 2014" do Global Banking & Finance Review (GBAF) - diễn đàn tài chính uy tín tại Vương quốc Anh bình chọn cho sản phẩm thẻ đồng thương hiệu MobiFone - SeABank Visa. Đây là loại thẻ ngân hàng thông minh “2 trong 1” mang thương hiệu VISA do SeABank và MobiFone phát hành bằng cả hai hình thức là thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ.
4	"Nhà lãnh đạo ngân hàng trẻ xuất sắc nhất Việt Nam 2014" đối với Bà Lê Thu Thủy – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT vì những nỗ lực và giá trị đóng góp vào quá trình phát triển của SeABank nói riêng và ngành ngân hàng nói chung trong thời gian gần đây.
5	"Giải Bạch Kim cho cam kết chất lượng quốc tế" do Tổ chức Business Initiative Directions trao tặng cho SeABank năm 2011 và 2012 vì những giá trị trong quản trị điều hành, chất lượng dịch vụ và thực hành quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế.
6	"Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2012" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những giá trị sáng tạo trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế.
7	"Ngân hàng có ứng dụng điện toán đám mây tốt nhất khu vực năm 2013" do The Asian Banker phong tặng SeABank vì những giá trị ứng dụng công nghệ điện toán đám mây vào việc phát triển hạ tầng công nghệ ngân hàng, từ đó phục vụ cho việc phát triển đa dạng sản phẩm tài chính hiện đại.

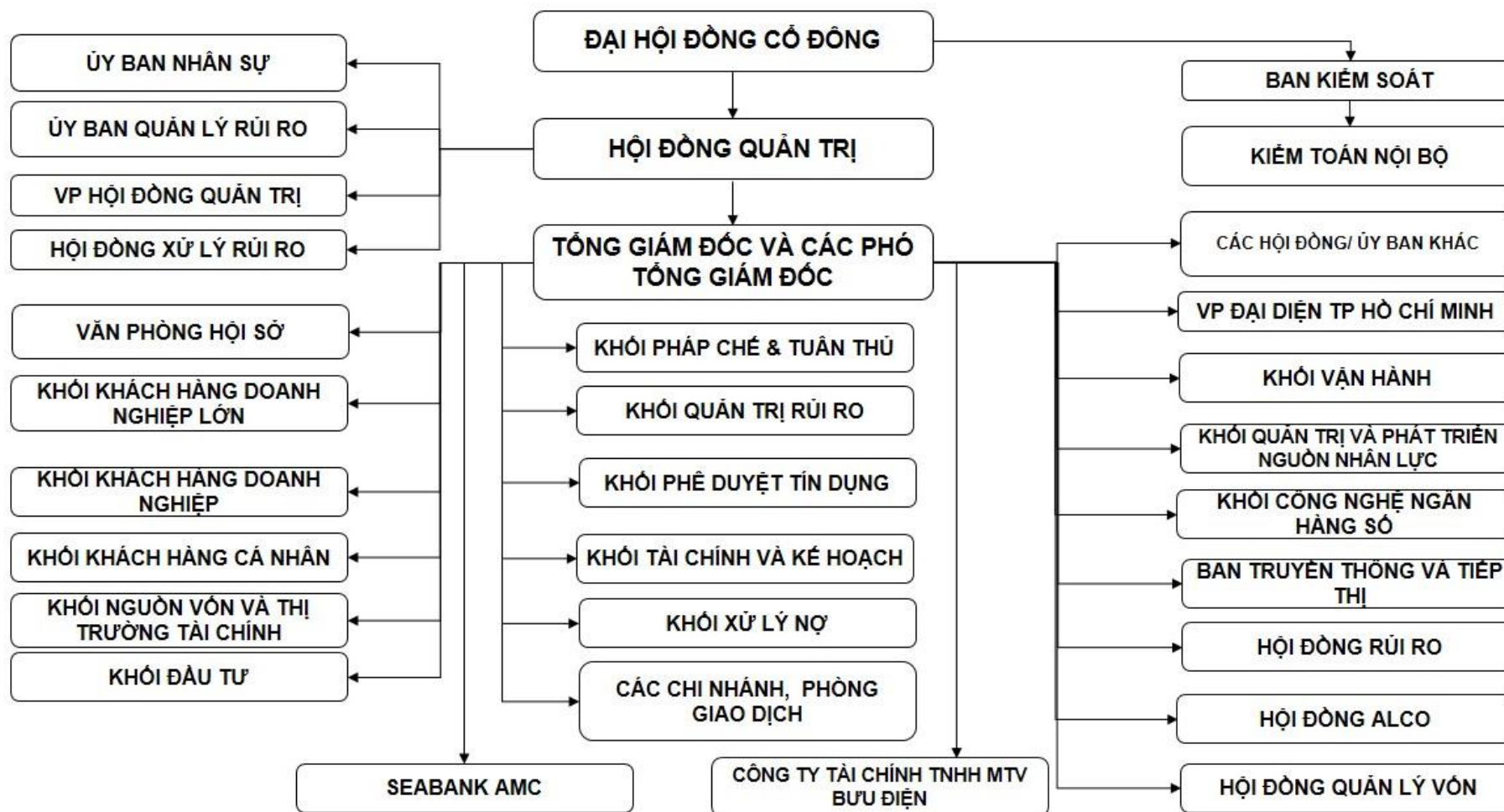
8	"Ngân hàng của năm 2013" do Tạp chí nổi tiếng thế giới The Banker trao tặng ghi nhận sự phát triển ổn định, bền vững của SeABank trong thời gian qua.
9	"Ngân hàng có dịch vụ khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam 2013" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những nỗ lực liên tục và vượt bậc của SeABank trong việc cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện để phục vụ khách hàng.
10	"Nhà lãnh đạo Ngân hàng Năng động nhất Việt Nam 2013" tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của SeABank nhằm ghi nhận những nỗ lực và giá trị mà Bà đóng góp vào quá trình 20 năm phát triển của SeABank.
11	"Top 10 nữ doanh nhân trí thức thành đạt" do Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ vinh danh Bà Nguyễn Thị Nga do những cống hiến của Bà trong đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào kinh doanh.
12	"Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" trao tặng cho Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT SeABank với những thành tích đóng góp cho sự phát triển của SeABank nói riêng và ngành ngân hàng nói chung.
13	"Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc" do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga vì đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
14	"Cờ thi đua" của Thủ tướng Chính phủ trao tặng SeABank vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2010, 2012, 2015 của ngành Ngân hàng.
15	"Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng ASEAN" do Cộng đồng khu vực ASEAN bình chọn và trao giải thưởng cho SeABank.
16	08 năm liên SeABank được xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam .
17	"Nhãn hiệu nổi tiếng - Nhãn hiệu cạnh tranh 2013" do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng SeABank vì những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới hoạt động và phát triển thương hiệu.
18	"SeABank nhận giải thưởng Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2014" (Best Retail Bank Vietnam 2014) do Tạp chí Global Financial Market Review (GFM) trao tặng.
19	"Dịch vụ ngân hàng trực tuyến tốt nhất Việt Nam 2016" (Best Internet Bank Vietnam 2016) do Global Business Outlook trao tặng.
20	"Ngân hàng có dịch vụ quản lý tài sản tốt nhất" (Best Wealth Manager - Vietnam Rising Star) do Tạp chí The Asset (Hong Kong) trao tặng.
21	"Most Innovative Retail Bank Vietnam 2017" do Tạp chí Global Business Outlook trao tặng Tháng 11/2017.
22	"Ngân hàng có mạng lưới POS tốt nhất 2017" (Outstanding in POS network performance 2017) do NAPAS trao tặng tháng 12/2017.

23	SeABank đạt được TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2017 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report trao tặng tháng 12/2017.
24	SeABank đạt được Chứng chỉ về hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO/IEC-2001:2013 do TUV NORD - Tổ chức quốc tế uy tín chuyên đánh giá cấp chứng chỉ ISO trao tặng tháng 1/2018.
25	"Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" do Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất trao tặng Tháng 10/2018.
26	SeABank nhận Bằng khen "thực hiện tốt chính sách, pháp luật Thuế năm 2017, 2018" do Bộ Tài chính trao tặng Tháng 10/2018.
27	Chứng nhận Đảm bảo chất lượng - Quality Assurance ngành Tài chính Ngân hàng do Liên Hiệp Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương trao tặng Tháng 10/2018.
28	The best Contact center Manager of Việt nam – Giám đốc Chăm sóc khách hàng xuất sắc trong lĩnh vực Chăm sóc Khách hàng do Hiệp Hội Contact Center Việt Nam (CCAV) Tháng 10/2018
29	Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam - Profit 500 do Vietnamnet, Thời báo kinh tế Việt Nam xếp hạng Tháng 11/2018.
30	Top 10 Doanh nghiệp bền vững 2018 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xếp hạng vào Tháng 11/2018.
31	Chứng nhận "Doanh Nghiệp Tiêu biểu vì Người Lao Động" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Tháng 12/2018.
32	TOP 100 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2018 do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam xếp hạng vào Tháng 12/2018.
33	TOP 10 – Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam do Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng Tháng 12/2018.
34	Brand Excellence In Savings Banking Vietnam 2018 do Finance Digest – Vương quốc Anh trao tặng.
35	Ngân hàng có tập khách hàng năng động nhất năm 2018 do NAPAS xếp hạng vào Tháng 12/2018.
36	Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam - Sản phẩm Vàng, dịch vụ Vàng do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam (VIPA) trao tặng.
37	Sản phẩm thẻ tín dụng của năm - Credit Card of the Year 2018 của The Asian Banker.
38	TOP 500 DN lớn nhất Việt Nam VNR500 theo xếp hạng của Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report.
39	Top 50 thương hiệu tiêu biểu hội nhập Châu Á Thái Bình Dương do Trung tâm nghiên cứu phát triển DN Châu Á đánh giá.

40	Giải thưởng "Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" của Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất.
41	TOP 10 Thương hiệu Vàng Việt Nam 2019 do Trung tâm bảo vệ Người tiêu Dùng và Viện Kinh tế văn hóa xếp hạng.
42	Chứng nhận phù hợp chuẩn mực chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp 2019 do Trung tâm Đánh giá Chỉ số Tín nhiệm Doanh nghiệp TBI: 2019. TBI – Trust Business Index cấp.
43	TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng và thịnh vượng Việt Nam 2019 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report xếp hạng.
44	Top 50 thương hiệu tiêu biểu hội nhập Châu Á Thái Bình Dương do Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương Hà Nội VAPEC Hà Nội xếp hạng.
45	Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2019 của Thời báo Kinh tế Việt Nam.
46	Giải thưởng “Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất năm 2019” (Best Banking CEO Vietnam 2019) của Tạp chí Finance Derivative - Mỹ.
47	Doanh nghiệp tiêu biểu ASIA của Hiệp hội Đối ngoại Châu Âu Singapore , Liên hiệp khoa học Doanh nhân Việt Nam, Tạp chí sở hữu trí tuệ và Sáng tạo.
48	Chỉ số văn hóa kinh doanh - Business Culture index 2019 của Trung tâm đánh giá chỉ số Kinh doanh doanh nghiệp BSI:2019 – InterReport.
49	Doanh nghiệp - Doanh nhân Tư nhân tiêu biểu - Bà Lê Thu Thủy – Tổng Giám Đốc SeABank của Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam.
50	Thương hiệu tiêu biểu châu Á – Thái Bình Dương năm 2019 do Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp châu Á, Trung tâm kinh tế châu Á - Thái Bình Dương Hà Nội (VAPEC Hà Nội) trao tặng Tháng 6/2019.
51	Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội dành cho SeABank theo QĐ số 3336/QĐ - UBND ngày 29/7/2020.

2. Cơ cấu tổ chức và Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank

Bảng 1. Cơ cấu tổ chức



Nguồn: SeABank

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank và những người có liên quan tại thời điểm 30/06/2020

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank và người có liên quan

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank và người có liên quan

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần từng loại			Tổng số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/VĐL của SeABank
			Số lượng cổ phần phổ thông (cp)	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác		
1	Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ	Số 14 Láng Hạ, p. Thành Công, q. Ba Đình, tp. Hà Nội	69.608.833	0	0	69.608.833	7,430%
2	Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ	Số 57NB, Bà Triệu, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0	0	0	0	0
	Tổng cộng		69.608.833	0	0	69.608.833	7,430%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2020

3.2. Cơ cấu cổ đông sở hữu ngân hàng tại 30/06/2020

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/06/2020 trên mức vốn thực góp hiện tại

STT	Loại cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổ chức	24	828.714.616	88,453%
	- Trong nước	24	828.714.616	88,453%
	- Nước ngoài	-	-	-
2	Cá nhân	1.353	108.185.384	11,547%
	- Trong nước	1.353	108.185.384	11,547%
	- Nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	1.377	936.900.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2020

4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank

a) Danh sách công ty mẹ của SeABank: Không có.

b) Danh sách công ty con:

Tính đến 30/06/2020, SeABank có 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank:**

Tên doanh nghiệp	:	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Giấy CNĐKKD số	:	0103099985 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008
Trụ sở chính	:	Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	:	500.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	:	500.000.000.000 VND
Chủ sở hữu	:	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Quản lý nợ và khai thác tài sản

Ngày 03/12/2008, SeABank đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – SeABank. Theo đó, SeABank AMC ra đời nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng. Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính SeABank, SeABank AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

❖ **Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (“PTF”):**

(SeABank mua lại theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 22/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước)

Tên doanh nghiệp	:	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Giấy CNĐKKD số	:	0100796508 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010
Trụ sở chính	:	Tầng 1 và tầng 2, số 3 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Vốn Điều lệ đăng ký	:	1.050.000.000.000 VND

Vốn Điều lệ thực góp	:	1.050.000.000.000 VND
Chủ sở hữu	:	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Tài chính tiêu dùng

Ngày 22/5/2018, SeABank và PTF đã được Thống đốc NHNN chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn Bru chính Viễn thông (“VNPT”) tại PTF cho SeABank. Ngày 28/9/2018, Thống đốc NHNN đã cấp Giấy phép hoạt động mới cho PTF. Theo đó, PTF đã được chuyển mô hình hoạt động sang Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng. Việc mua lại toàn bộ phần vốn góp của VNPT tại PTF phù hợp với định hướng chiến lược phát triển thành một Tập đoàn Tài chính – Ngân hàng của SeABank trong thời gian tới và phù hợp với quy định của NHNN về việc TCTD phải thành lập Công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động tín dụng tiêu dùng. Đồng thời, giúp SeABank mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh và chuyên môn hóa, tối ưu hóa hoạt động tín dụng tiêu dùng của Ngân hàng. Vốn điều lệ hiện tại của PTF là 1.050 tỷ đồng, là một trong những công ty tài chính tiêu dùng đầu tiên có mức vốn điều lệ cao nhất thị trường.

c) Những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank:

Không có.

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của SeABank

Bảng 4. Quá trình tăng vốn

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1.	Thành lập – Tháng 3/1994	-	3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập	- Giấy phép thành lập ngân hàng số 0051/GP-NH do NHNN Việt Nam cấp. - Giấy phép thành lập Công ty cổ phần số 000676 GP/TLDN-03 do UBND tỉnh Hải Phòng cấp ngày 09/4/1994.
2.	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Quyết định số 619/QĐ-NHNN ngày 07/5/2001 về việc chuẩn y vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Hải Phòng. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/10/2002.
3.	Năm 2002	50.010	19.090	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Văn bản số 522/CV-QL ngày 22/12/2002 của NHNN Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng về việc chấp thuận tăng VDL của SeABank. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30/12/2002
4.	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 492/CV-NHNN-HAP7 ngày 24/12/2003 về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của SeABank - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2003

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
5.	Năm 2004 – đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 269/NHNN-HAP7 ngày 28/6/2004 của NHNN Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28/6/2004
6.	Năm 2004 – đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 491/NHNN-HAP7 ngày 18/10/2004 của NHNN Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng về việc chấp thuận cho SeABank tăng VDL đợt 2 từ 120 tỷ VNĐ lên 150 tỷ VNĐ. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04/11/2004
7.	Năm 2005- đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 441/NHNN-HAN7 ngày 22/6/2005 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2005 - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 29/7/2005
8.	Năm 2005 – đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 813/NHNN-HAN7 ngày 07/12/2005 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL đợt II trong năm 2005 - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 14/12/2005
9.	Năm 2006 – đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 377/NHNN-HAN7 ngày 22/5/2006 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2006. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/5/2006.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
10.	Năm 2006 – đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 377/NHNN-HAN7 ngày 22/5/2006 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2006. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/10/2006.
11.	Năm 2007 – đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 187/NHNN-HAN7 ngày 27/2/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL đợt I trong năm 2007. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 01/3/2007.
12.	Năm 2007 – đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 26/6/2007.
13.	Năm 2007 – đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 26/9/2007.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
14.	Năm 2007 – đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 22/10/2007.
15.	Năm 2007 - đợt 5 (*)	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 28/12/2007.
16.	Năm 2008	3.000.000	1.068.550	4.068.550	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu	- Công văn số 545/NHNN-HAN7 ngày 29/4/2008 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2008 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 30/12/2008
17.	Năm 2009	4.068.550	1.000.000	5.068.550	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	- Công văn số 1236/NHNN-HAN7 ngày 07/7/2009 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 4.068.545.450.000 đồng lên 5.068.545.450.000 đồng của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 31/12/2009

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
18.	Năm 2010	5.068.550	266.106	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	- Công văn số 6381/NHNN-TTGSNH ngày 23/8/2010 của NHNN Việt Nam về việc tăng VDL năm 2010 của NH Đông Nam Á. - Giấy CNĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 15/10/2010.
19.	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	- Công văn số 8474/NHNN-TTGSNH ngày 14/11/2013 của NHNN Việt Nam về việc tăng VDL của SeABank. - Công văn số 7967/UBCK-QLPH ngày 13/12/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy CNĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 24/01/2014.
20.	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11 <i>Chi tiết:</i>	7.688.000	<i>Chi tiết:</i>	<i>Chi tiết:</i>
			549.534,61		- Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Công văn số 8409/UBCK-QLCB ngày 24/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			230.000,00		- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thưởng cho người lao động và phát hành cho CBNV)	- Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Công văn số 8510/UBCK-QLCB ngày 28/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
			1.442.639,50		- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 74/GCN-UBCK ngày 05/12/2018. - Công văn số 8509/UBCK-QLCB ngày 28/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp								
21.	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	- Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 6462/NHNN-TTGSNH ngày 19/8/2019 của NHNN Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của SeABank. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 69/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/8/2019. - Công văn số 5899/UBCK-QLCB ngày 27/09/2019 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng. - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019.								
Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2019: Tổng số vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền là 1.681.000.000.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/5/2020, tình hình sử dụng vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn như sau: Đơn vị: đồng <table><tr><td>Tổng số vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019</td><td>1.681.000.000.000</td></tr><tr><td>Trong đó:</td><td></td></tr><tr><td>- Sử dụng từ nguồn vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019 (*)</td><td>1.407.527.654.425</td></tr><tr><td>- Số vốn điều lệ tăng thêm chưa sử dụng</td><td>273.472.345.575</td></tr></table> (*) Danh mục sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như sau:							Tổng số vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019	1.681.000.000.000	Trong đó:		- Sử dụng từ nguồn vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019 (*)	1.407.527.654.425	- Số vốn điều lệ tăng thêm chưa sử dụng	273.472.345.575
Tổng số vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019	1.681.000.000.000													
Trong đó:														
- Sử dụng từ nguồn vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền sau đợt tăng vốn tháng 09/2019 (*)	1.407.527.654.425													
- Số vốn điều lệ tăng thêm chưa sử dụng	273.472.345.575													

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp		
						STT	Nội dung	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/5/2020
						1	Đầu tư tài sản cố định (Trang thiết bị Công nghệ thông tin; Bản quyền và phần mềm; Dịch vụ triển khai phần mềm; Hệ thống giám sát an ninh; Hệ thống Internet Banking; ...)	76.566.718.310
						2	Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân trong nước theo nhu cầu tiêu dùng và hoạt động kinh doanh của khách hàng	830.993.236.115
						3	Đầu tư mua Trái phiếu Chính phủ	499.967.700.000
							Tổng cộng	1.407.527.654.425
Tình hình sử dụng vốn nêu trên đã được đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam xác nhận tại báo cáo số 0098/VN1A-HC-BC ngày 30 tháng 6 năm 2020								

6. Hoạt Động Kinh Doanh

SeABank là một Ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;

Hoạt động ngân hàng đầu tư: SeABank thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà SeABank nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của SeABank

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của SeABank số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/1/2005 và cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ 29 ngày 31/12/2019 và Giấy phép số 51/GP-NH và các quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép này, các ngành nghề kinh doanh chính của SeABank bao gồm:

- (a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- (b) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - (i) Cho vay;
 - (ii) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - (iii) Bảo lãnh ngân hàng;
 - (iv) Phát hành thẻ tín dụng;
 - (v) Bao thanh toán trong nước;
- (c) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- (d) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - (i) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - (ii) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- (e) Mở tài khoản:
 - (i) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - (ii) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- (f) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

- (g) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- (h) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- (i) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- (j) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- (k) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- (l) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (m) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (n) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (o) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (p) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (q) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- (r) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.
- (s) Lưu ký chứng khoán.
- (t) Kinh doanh vàng miếng.
- (u) Ví điện tử.
- (v) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

6.2.Chủng loại và chất lượng sản phẩm, dịch vụ

6.2.1. Sản phẩm cho khách hàng cá nhân

(i) Dịch vụ ngân hàng hàng ngày

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu, SeABank luôn nỗ lực cung cấp tới nhóm khách hàng cá nhân một hệ thống dịch vụ, tiện ích toàn diện. Không chỉ cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, SeABank cũng là một trong những ngân hàng đi đầu về ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh các dịch vụ thanh toán truyền thống (mở tài khoản, dịch vụ chuyển tiền đi trong

nước, nhận tiền chuyển đến, chuyển tiền định kỳ...), trong năm 2016, 2017 hàng loạt sản phẩm mới của SeABank ra đời, nhận được sự yêu thích và tin dùng của khách hàng bao gồm:

- Ngân hàng trực tuyến – SeANet
- Ngân hàng qua điện thoại 24/7 – SeACall
- Ngân hàng di động – SeAMobile
- Ngân hàng tự động – Autobank
- Dịch vụ đầu tư tự động

Trên nền tảng công nghệ tiên tiến, SeABank đã cho ra mắt Ứng dụng Ngân hàng di động SeAMobileApp và liên tục cập nhật dịch vụ Ngân hàng trực tuyến (SeANet) về giao diện và các chức năng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Với các dịch vụ e-bank này, khách hàng của SeABank có thể thực hiện nhiều giao dịch thông qua máy tính, điện thoại kết nối Internet mà không cần phải trực tiếp đến quầy giao dịch. Đặc biệt, việc chuyển tiền từ SeABank sang ngân hàng khác chưa bao giờ dễ dàng như hiện nay khi khách hàng có thể chuyển tiền ngoài giờ giao dịch của ngân hàng, hay vào ngày nghỉ 24/7 tới người nhận chỉ trong vòng vài giây. Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 này đã được SeABank mở rộng áp dụng với hơn 30 ngân hàng thành viên thuộc liên minh thẻ BankNetVN, tạo ấn tượng tốt và thu hút nhiều khách hàng sử dụng. Để giúp khách hàng tra cứu thông tin các chương trình một cách nhanh chóng và thuận tiện, SeABank ra mắt website ưu đãi SeAZone (www.seazone.seabank.com.vn) - là nơi khách hàng có thể tìm thấy ưu đãi hấp dẫn được cập nhật thường xuyên liên tục dành cho khách hàng của SeABank.

Tháng 03/2017, SeABank vinh dự được tổ chức quốc tế Global Business Outlook (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng danh hiệu “Dịch vụ ngân hàng trực tuyến tốt nhất Việt Nam 2016” (Best Internet Bank Vietnam 2016) – giải thưởng ghi nhận sự phát triển, sáng tạo của SeABank trong việc cung cấp những dịch vụ ngân hàng hiện đại và tiện ích cho khách hàng.

Trong năm 2018 và 2019, SeABank không ngừng cải tiến và nâng cấp các phiên bản SeANet (Ebank), SeAMobile để nhằm hoàn thiện và tăng cường bảo mật hơn nữa cho các hệ thống này, đáp ứng nhiều hơn nữa các nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng.

(ii) Tiết kiệm và sinh lời

Các sản phẩm tiết kiệm dành cho cá nhân của SeABank được thiết kế đa dạng với nhiều tiện ích vượt trội và mức sinh lời tối ưu như Tiết kiệm linh lãi cuối kỳ, Tiết kiệm trả lãi hàng tháng, Tiết kiệm bậc thang, Tiết kiệm thông minh, Tiết kiệm online, Tiết kiệm gửi góp, Bảo an tích lũy, Tiền gửi An Khang, Tiết kiệm Phát lộc... Không chỉ đáp ứng nhu cầu gửi, rút tiền linh hoạt qua nhiều kênh giao dịch tiện ích, các sản phẩm tiết kiệm của SeABank còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp gửi tiền ưu việt, giúp khách hàng tối đa hóa khả năng sinh lời trên từng khoản tiền nhàn rỗi. Nhờ đó, SeABank đã vinh dự được bạn đọc bình chọn giải thưởng “Tin & Dùng năm 2017” dành cho “Sản phẩm tiết kiệm được tín nhiệm và giới thiệu nhiều nhất Việt Nam” đồng thời được Diễn đàn tin tức tài chính – ngân hàng Global Banking

and Finance Review (GBAF - Vương quốc Anh) trao giải thưởng “Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất 2018” (Best Savings Bank Vietnam 2018).

(iii) Thẻ

Trên nền tảng công nghệ tiên tiến, SeABank là ngân hàng tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ thẻ, mang lại tiện ích lớn và nhiều ưu đãi cho khách hàng khi thanh toán mà không phải sử dụng tiền mặt. SeABank là ngân hàng đầu tiên triển khai đồng bộ xác thực theo chuẩn chip EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ quốc tế Visa, MasterCard. Tính đến nay, SeABank đã có trên 40 đối tác ưu đãi thẻ với các chương trình khuyến mãi và ưu đãi được cập nhật hàng tháng, mang lại nhiều lợi ích cho các khách hàng.

Dịch vụ Thẻ tín dụng quốc tế SeABank Visa với nhiều ưu điểm vượt trội cho phép chủ thẻ quản lý được mức chi tiêu một cách rõ ràng nhất với khoản tiền hoàn trả cố định hàng tháng. Ngoài ra, với 12 mức lãi suất khác nhau, thẻ tín dụng của SeABank là sản phẩm duy nhất trên thị trường cung cấp cho chủ thẻ phương thức: Chi tiêu càng nhiều, lãi suất càng giảm. Bên cạnh sản phẩm thẻ tín dụng truyền thống, SeABank cũng hợp tác với các đối tác hàng đầu Việt Nam như MobiFone, BRG Group, Mercedes-Benz... để cho ra mắt các sản phẩm thẻ đồng thương hiệu đa tính năng, đa tiện ích như Thẻ đồng thương hiệu MobiFone – SeABank Visa, thẻ SeAGolf Platinum Visa, thẻ Mercedes Platinum Visa... Chủ thẻ tín dụng SeABank cũng liên tục được hưởng nhiều ưu đãi hấp dẫn từ SeABank và các đối tác của Ngân hàng khi thanh toán hóa đơn mua hàng. Đặc biệt, thẻ quốc tế SeABank Visa còn được tích hợp tính năng Bảo mật 3D Secure nhằm tăng cường an ninh, an toàn cho các giao dịch thanh toán trực tuyến (Ecommerce/ online payment) tại các website thương mại điện tử có áp dụng chương trình Verified by Visa (VbV).

Với những tính năng và tiện ích đa dạng, tiêu chuẩn bảo mật cao cùng nhiều ưu đãi hấp dẫn, dịch vụ Thẻ tín dụng của SeABank đã được IFM bình chọn là “Ngân hàng có dịch vụ Thẻ tín dụng sáng tạo nhất 2016” (Most Innovative Credit Card Services Vietnam) – giải thưởng ghi nhận những cố gắng và sáng tạo của SeABank nhằm đem tới nhiều lợi ích cho khách hàng.

(iv) Cho vay

Đối với hoạt động tín dụng cá nhân, SeABank đã ban hành nhiều sản phẩm mới có chất lượng và đi vào những thị trường đặc thù như: Cho vay trồng và chăm sóc cà phê, hồ tiêu; cho vay nuôi tôm; cho vay trồng lúa; cho vay hội viên hội liên hiệp phụ nữ... Cùng với việc ban hành mới các sản phẩm, SeABank cũng đã nâng cấp và cải tiến nhiều sản phẩm và đã khẳng định được thương hiệu, nổi bật như: Cho vay khuyến học (SeAStudy), Cho vay tiêu dùng (SeABuy), Cho vay mua ô tô kinh doanh (SeACar PRO), Cho vay giáo viên (SeATeacher).

Năm 2019, SeABank đẩy mạnh các sản phẩm cho vay mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh bên cạnh các sản phẩm tiêu dùng. Ngoài kênh bán hàng truyền thống là các Đơn vị kinh doanh, SeABank gia tăng mạng lưới phối hợp với các đối tác chiến lược như VNPost, VNPT... để tiếp cận và phục vụ ngày một nhiều phân khúc Khách hàng hơn nữa. Nhờ đó, hoạt động tín dụng KHCN đã ghi nhận kết quả tăng trưởng hơn 28% so với năm 2018.

Đặc biệt, để hưởng ứng Đề án phụ nữ khởi nghiệp, SeABank luôn đồng hành cùng với các Hội liên hiệp phụ nữ các tỉnh/thành để cung cấp đến các hội viên sản phẩm cho vay tín chấp

SeAWomen, hiện tại SeABank đang có hơn 18 nghìn khách hàng hội viên Hội liên hiệp phụ nữ sử dụng sản phẩm này.

(v) Bảo Hiểm

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) hợp tác với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) triển khai chương trình hợp tác bảo hiểm, ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của hai bên, đồng thời tăng cường bán chéo dịch vụ, sản phẩm, giới thiệu khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tác. Cụ thể, hai bên sẽ ưu tiên triển khai sản phẩm SeACar Care - gói sản phẩm tích hợp dịch vụ cho vay mua ô tô vượt trội của SeABank với chương trình bảo hiểm uy tín của Bảo hiểm Bảo Việt để mang tới cho khách hàng giải pháp tài chính – bảo hiểm ưu việt nhất.

Hoạt động bancassurance trong những năm tới sẽ là hoạt động mũi nhọn để SeABank tăng doanh thu phí.

Năm 2019 là năm thứ 2 SeABank triển khai Bảo Hiểm Nhân Thọ (“BHNT”) và tiếp tục đạt kết quả ấn tượng, doanh thu phí đạt hơn 213 tỷ đồng, phát hành thành công 17.486 hợp đồng. Với kết quả này, SeABank đã tạo tiếng vang trên thị trường, cạnh tranh cùng nhiều các Ngân hàng đã triển khai bán sản phẩm BHNT nhiều năm trước.

Không chỉ gây ấn tượng với những con số đạt được, với chương trình “Sứ giả hạnh phúc” SeABank đã dang đến cho nhiều khách hàng tham dự hội thảo sức khỏe “SỐNG hạnh phúc hơn” nhiều kiến thức bổ ích về cách nhận diện, phòng tránh bệnh hiểm nghèo và những giải pháp tài chính từ SeABank và đối tác bảo hiểm.

Hướng tới gia tăng sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng, trong năm 2019 SeABank đã lựa chọn đối tác với bề dày kinh nghiệm, sản phẩm ưu việt nổi trội, dịch vụ tốt, và đặc biệt có cùng định hướng phát triển chất lượng hướng tới Khách hàng là trọng tâm, để triển khai hợp tác độc quyền đó là công ty TNHH BHNT Prudential. Ngày 27/12/2019 SeABank và Prudential đã chính thức ký kết hợp tác độc quyền 20 năm, hứa hẹn sẽ mang đến cho khách hàng SeABank những sản phẩm chất lượng và cạnh tranh, giúp SeABank sớm trở thành Top 3 Ngân hàng về doanh số Bảo hiểm nhân thọ.

(vi) Các dịch vụ khác như:

“Gói chuyển tiền quốc tế” - là gói sản phẩm, dịch vụ tài chính đa tiện ích do SeABank cung cấp cho khách hàng chuyển tiền đi nước ngoài với các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật như học tập, trợ cấp, du lịch, chữa bệnh, chuyển lương...

6.2.2. Sản phẩm cho khách hàng doanh nghiệp

(i) Tín dụng

Đối với hoạt động tín dụng với cam kết đồng hành cùng với doanh nghiệp, SeABank luôn tìm kiếm và đã đưa ra các giải pháp tài chính phù hợp, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh một cách nhanh chóng và hiệu quả. Bên cạnh các sản

phẩm truyền thống dành cho doanh nghiệp như: Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, Tài trợ dự án,..., SeABank đã tạo ra sự khác biệt bằng việc không chỉ ban hành những sản phẩm tiêu chuẩn trên thị trường mà còn ban hành những sản phẩm “may đo” chuyên biệt theo từng lĩnh vực như cấp tín dụng cho Doanh nghiệp lĩnh vực Thi công xây lắp, Sản xuất kinh doanh Nhựa, hoặc lĩnh vực Vật tư - thiết bị y tế, Dược... Những sản phẩm chuyên biệt này thể hiện sự linh hoạt và thấu hiểu của SeABank đối với nhu cầu của thị trường và nhận được sự đón nhận nhiệt tình từ nhiều khách hàng đang có quan hệ giao dịch với SeABank.

Hàng loạt chương trình ưu đãi dành cho Khách hàng doanh nghiệp được triển khai: Các chương trình tín dụng (Chương trình thường niên lãi suất vay chỉ từ 7%/năm, Chương trình vay mua xe ô tô từ 1%/năm, Chương trình đồng hành cùng Doanh nghiệp theo sản phẩm cho vay VND lãi suất ngoại tệ)... mang lại nhiều lựa chọn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm với nhiều chính sách phù hợp và ưu đãi vượt trội.

Những nỗ lực hết mình và sự tận tình đồng hành cùng doanh nghiệp trong suốt 26 năm hoạt động đã giúp SeABank gặt hái thành công với một loạt giải thưởng danh giá từ các tổ chức tài chính uy tín trên thế giới và khu vực như: Ngân hàng có dịch vụ quản lý tài sản tốt nhất (Best Wealth Manager - Vietnam Rising Star) của Tạp chí The Asset (Hong Kong); Ngân hàng có dịch vụ quản lý dòng tiền tốt nhất Việt Nam (Best Cash Management Bank 2016) của Tạp chí Global Financial Market Review (GFM); Ngân hàng có dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam (Best SME Bank Services Vietnam 2016) của Tạp chí Capital Finance International.

Năm 2019, các sản phẩm, chương trình kinh doanh của SeABank đã nhận được nhiều sự đón nhận từ phía các Doanh nghiệp, các khách hàng lựa chọn sử dụng ở SeABank không chỉ một vài sản phẩm đơn lẻ mà là chuỗi sản phẩm mang lại lợi ích tổng thể thiết thực nhất. Trong đó, sản phẩm nổi bật là Tài trợ Doanh nghiệp thi công xây lắp đã được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc thù ngành, đáp ứng toàn bộ nhu cầu của Khách hàng trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhiều ưu đãi và cạnh tranh trên thị trường.

Trong những năm tiếp theo, bên cạnh việc tiếp tục duy trì và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm dịch vụ, giải pháp tài chính nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, SeABank sẽ tiếp tục khai thác nhiều giải pháp tài chính đặc thù theo các ngành nghề kinh doanh mũi nhọn, chủ động tiếp cận doanh nghiệp theo hướng tư vấn và đồng hành lâu dài.

(ii) Tài trợ thương mại

SeABank luôn không ngừng phát triển các sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại mới, hợp tác với các ngân hàng quốc tế đem lại các sản phẩm tối ưu cho khách hàng, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như các sản phẩm: Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng, L/C UPAS, ...

(iii) Bảo lãnh

Về hoạt động bảo lãnh, SeABank đã đánh giá và điều chỉnh lại quy định, quy trình cấp và phát hành Cam kết bảo lãnh nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cũng như rút ngắn được thời gian giao dịch, đáp ứng được nhanh chóng nhu cầu của Khách hàng với nhiều sản phẩm phong phú đa dạng như: Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh đối ứng, Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước...

(iv) Quản lý tiền tệ và quản lý thu chi:

SeABank cung cấp đa dạng các kênh giao dịch, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp như các dịch vụ chuyển tiền, nhận tiền gửi ký quỹ, các sản phẩm nộp thuế điện tử, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo bảng kê...

(v) Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của SeABank phong phú đa dạng cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhu cầu thanh toán, chỉ tiêu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: như các sản phẩm tiền gửi thông minh, tiền gửi linh lãi cuối kỳ, tiền gửi linh lãi định kỳ, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi online...

(vi) Dịch vụ Ngân hàng điện tử

Là dịch vụ ngân hàng do SeABank cung cấp cho Khách hàng (“KH”) thông qua các kênh phân phối điện tử, cho phép KH chủ động thực hiện các giao dịch trực tuyến mà không cần tới điểm giao dịch của SeABank. Dịch vụ Ngân hàng điện tử bao gồm: Dịch vụ SeANet, Ứng dụng SeACorp và Dịch vụ SMS & Email Banking.

(vii) Thẻ doanh nghiệp

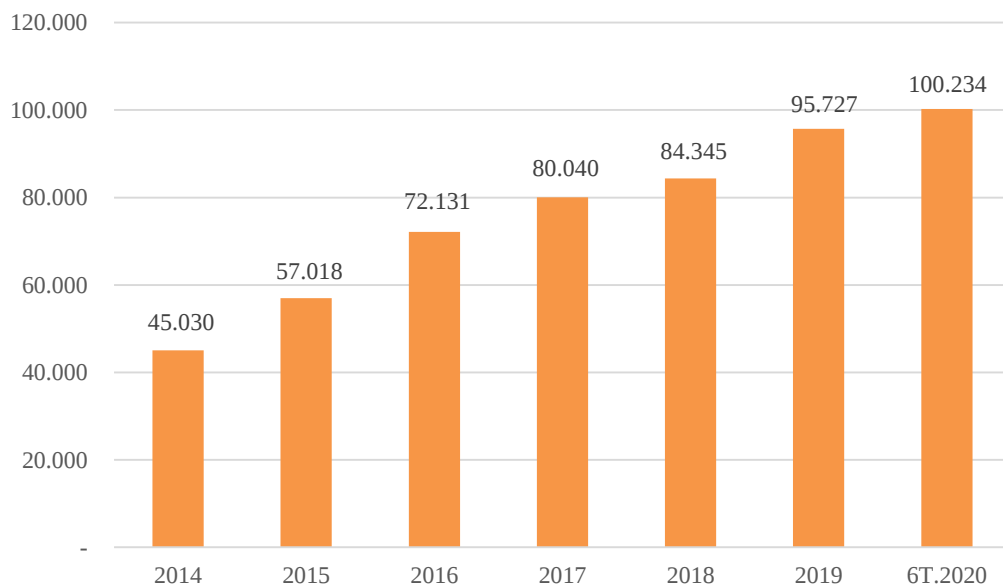
Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa năng, SeABank tự hào mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp.

6.2.3. Huy Động Vốn

Hoạt động huy động vốn của SeABank trong các năm gần đây tăng trưởng bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống. Tiền gửi của khách hàng đạt 100.234 tỷ đồng tính đến 30/06/2020, tăng 4,7% so với thời điểm 31/12/2019.

Hình 1. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)

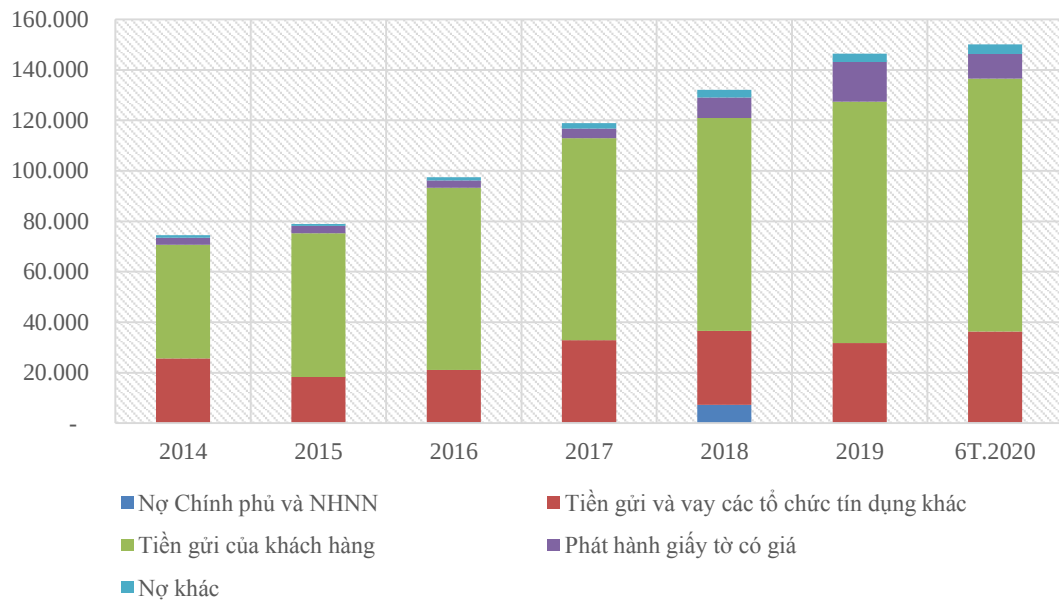


(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014 – 2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Cơ cấu huy động vốn của SeABank dịch chuyển theo hướng bền vững hơn, tiền gửi của khách hàng là nguồn huy động vốn lớn nhất, chiếm khoảng 74% tổng nguồn vốn huy động tại thời điểm 30/06/2020. Xét theo kỳ hạn, tiền gửi khách hàng có kỳ hạn chiếm tỷ trọng 91,87%, còn lại tiền gửi khách hàng không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ chiếm tỷ trọng chỉ 8,13% giúp cơ cấu nguồn vốn duy trì an toàn và hiệu quả. Đồng thời, tỷ trọng tiền gửi và vay từ các TCTD khác giảm dần, tỷ trọng phát hành GTCG tăng lên cho thấy nguồn vốn của SeABank dần chủ động hơn

Hình 2. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



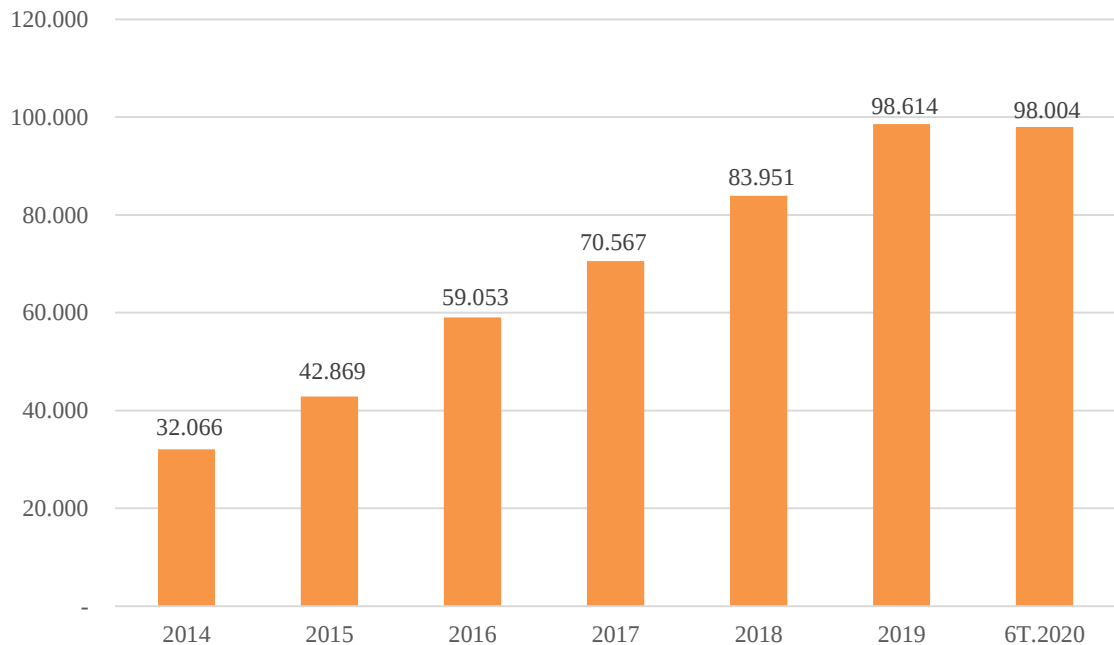
(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

6.2.4. Hoạt Động Tín Dụng

Trong các năm qua, SeABank đặt mục tiêu trọng tâm là khách hàng do vậy trong hoạt động tín dụng SeABank thường xuyên cập nhật, phát triển các sản phẩm phù hợp theo từng đối tượng Khách hàng. Tăng trưởng dư nợ khách hàng tăng đều qua các năm phù hợp với quy mô tăng trưởng về huy động vốn và tổng tài sản của SeABank và phù hợp với định hướng hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân và các lĩnh vực ưu tiên của chính phủ. Tại 30/06/2020, dư nợ cho vay thị trường I của SeABank đạt 98.004 tỷ đồng.

Hình 3. Dư nợ thị trường I của SeABank qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Xét theo kỳ hạn, cơ cấu dư nợ khách hàng của SeABank tương đối ổn định, dư nợ phân bổ đồng đều ở các kỳ hạn và phù hợp với nguồn vốn huy động.

Bảng 5. Cơ cấu dư nợ thị trường theo kỳ hạn

(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2019	6T.2020
1	Nợ ngắn hạn	5.483	6.512	9.554	13.222	22.059	41.017	45.414
2	Nợ trung hạn	12.308	20.716	28.384	30.952	35.960	30.195	26.711
3	Nợ dài hạn	13.531	14.896	20.369	25.675	25.231	27.402	25.879
4	Nợ cho vay chờ xử lý	745	745	745	718	701	-	-
TỔNG CỘNG		32.066	42.869	59.053	70.567	83.951	98.614	98.004

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Cơ cấu dư nợ theo loại hình cho thấy định hướng đa dạng hóa, chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng trưởng mạnh cho vay doanh nghiệp sản xuất kinh doanh là các công ty cổ phần và công ty TNHH cũng như đẩy mạnh cho vay các hộ kinh doanh cá nhân.

Mặc dù dư nợ tín dụng tăng mạnh trong năm vừa qua nhưng chất lượng tín dụng của SeABank vẫn được kiểm soát tốt. Tỷ lệ nợ xấu luôn được SeABank kiểm soát dưới 3%. Thông tin phân loại nợ của SeABank tại các thời điểm cụ thể như sau:

Bảng 6. Phân loại nợ của Ngân hàng

(Đơn vị: tỷ đồng)

	31-12-2018		31-12-2019		30-06-2020	
	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	81.796	97,5%	96.195	97,5%	95.678	97,6%
Nợ cần chú ý	147	0,2%	139	0,1%	136	0,1%
Nợ dưới tiêu chuẩn	355	0,4%	417	0,4%	373	0,4%
Nợ nghi ngờ	538	0,6%	757	0,8%	443	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	414	0,5%	1.105	1,1%	1.374	1,4%
Nợ cho vay chờ xử lý	701	0,8%	-	-	0	0
Tổng cộng	83.951	100%	98.614	100%	98.004	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

6.2.5. Hoạt động dịch vụ

(i) Dịch vụ thanh toán và tài trợ thương mại:

Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch của SeABank không ngừng được mở rộng, đồng thời với tư cách là thành viên của các hiệp hội thanh toán điện tử cùng với việc là đối tác thanh toán với hầu hết các ngân hàng trong nước đảm bảo SeABank cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng một cách tiện ích nhất.

Với dịch vụ thanh toán quốc tế, SeABank cung cấp đầy đủ các phương thức thanh toán cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu như chuyển tiền bằng điện (T/T), Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C), thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay (UPAS L/C), chuyển tiền CAD.

Hoạt động Thanh toán quốc tế của SeABank ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu an toàn, ổn định và bền vững.

(ii) Dịch vụ bảo lãnh:

SeABank cung cấp dịch vụ bảo lãnh nhanh chóng, an toàn và đảm bảo uy tín với các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước. Các hình thức bảo lãnh bao gồm: bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh vay vốn...

(iii) Dịch vụ thế:

Hiện tại SeABank đang là thành viên chính thức của các tổ chức thẻ và tổ chức thanh toán lớn trong và ngoài nước như: Smartlink, Banknetvn, VNBC MasterCard... Thẻ ghi nợ nội địa (Debit card) vẫn là sản phẩm thẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số lượng thẻ phát hành của SeABank. Các sản phẩm thẻ của SeABank với nhiều tiện ích được chấp nhận tại ATM trên khắp Việt Nam và thanh toán hàng hóa dịch vụ tại máy POS trong liên minh Smartlink, Banknet, mua hàng trực tuyến trên các website hiện đang hỗ trợ khách hàng một cách hiệu quả với chi phí thấp nhất. Với mạng lưới bao gồm 337 ATM & 731 POS tính đến cuối năm 2019. Tính đến 30/06/2020, số lượng ATM là 341 máy, tăng 04 máy tương ứng tăng trưởng 1,2% so với cuối năm 2019. Số lượng POS toàn hàng tính đến thời điểm 30/06/2020 là 822 máy, tăng thêm 91 máy POS tương ứng tăng trưởng 12,3% so với cuối năm 2019.

Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống thanh toán thẻ của SeABank đã kết nối thành công với tổ chức chuyển mạch duy nhất tại Việt Nam là NAPAS và 02 tổ chức thẻ quốc tế thông dụng nhất trên thế giới là Visa, MasterCard và 03 loại thẻ quốc tế khác là: Amex, Diners Club, JCB. SeABank thuộc TOP 15 Ngân hàng duy nhất tại Việt Nam có mạng lưới liên kết thẻ với 06 thương hiệu thẻ được ưa chuộng nhất toàn cầu.

(iv) Sản phẩm, dịch vụ gia tăng khác:

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, SeABank đã tích cực liên kết với các đối tác nhằm triển khai các chương trình, sản phẩm hữu hiệu phục vụ khách hàng.

6.2.6. Hoạt động đầu tư

(i) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ hiện đang là một trong những kênh kinh doanh hiệu quả của SeABank với mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng đồng thời tối đa hóa nguồn lực Ngân hàng.

Tất cả các hoạt động kinh ngoại tệ đều được ngân hàng quản lý rủi ro chặt chẽ với các hạn mức và trạng thái được thiết lập theo khẩu vị rủi ro ngân hàng và đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu của NHNN.

(ii) Hoạt động kinh doanh vốn và giấy tờ có giá:

Giá trị đầu tư của SeABank vào các loại giấy tờ có giá ổn định qua các năm. SeABank tập trung đầu tư vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro rất thấp, tính thanh khoản cao, chủ yếu là trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu do chính phủ bảo lãnh. Về hoạt động kinh doanh vốn, giá trị các khoản tiền gửi và cho vay tại NHNN và trên thị trường liên ngân hàng không ngừng gia tăng cùng với sự phát triển về quy mô của SeABank.

6.3. Quản lý rủi ro và an toàn vốn

6.3.1. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động của SeABank. Do đó, SeABank rất chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá và cải thiện các chính sách và quy trình quản lý rủi ro cũng như tiến hành những thay đổi cần thiết trong toàn bộ cơ cấu tổ chức để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng

thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018. SeABank tổ chức 3 tuyến phòng thủ để quản trị rủi ro bao gồm i) Tuyến 1 với chức năng nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, được thực hiện bởi các Đơn vị kinh doanh và các Đơn vị có chức năng hỗ trợ kinh doanh (ii) Tuyến 2 với vai trò xây dựng chính sách, công cụ quản trị rủi ro và kiểm soát việc tuân thủ, được thực hiện bởi Khối Quản trị rủi ro và Khối Pháp chế Tuân thủ và (iii) Tuyến 3 với chức năng kiểm toán nội bộ, nhằm mục đích giám sát và đánh giá độc lập về quản trị rủi ro tổng thể của ngân hàng. Việc quản lý rủi ro của SeABank được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tập trung với các quy trình quản lý rủi ro ở tất cả các mảng kinh doanh, là một quá trình liên tục cần được thực hiện ở mọi cấp độ và là yêu cầu bắt buộc để SeABank có thể đạt được các mục tiêu đề ra, duy trì một môi trường kiểm soát có kỷ luật, bảo đảm khả năng tăng trưởng bền vững và sự minh bạch về tài chính cho SeABank.

Khối Quản trị rủi ro chịu trách nhiệm quản lý các rủi ro chung trên tất cả các phân khúc kinh doanh và triển khai các hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày. Các hoạt động của Khối Quản trị rủi ro được giám sát bởi Ủy ban Quản lý rủi ro, được thành lập bởi Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro, được thành lập bởi Tổng giám đốc và có chức năng hỗ trợ giám sát cho Tổng giám đốc.

Khối Quản Trị Rủi Ro thực hiện chức năng tư vấn và hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý các rủi ro trọng yếu của ngân hàng bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng và ban hành các quy định, chính sách quản lý rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro có thể chấp nhận và phát triển các công cụ đánh giá, giám sát rủi ro cho toàn hệ thống.

Quản lý rủi ro tín dụng

SeABank nhìn nhận rủi ro tín dụng là rủi ro trọng yếu nhất bởi tín dụng vẫn là hoạt động cốt lõi của ngân hàng. Rủi ro tín dụng của SeABank được quản lý thông qua việc xây dựng và duy trì một chính sách tín dụng hợp lý và hiệu quả. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chính sách tín dụng của SeABank bao gồm các nội dung chính sau:

Chiến lược, định hướng hoạt động tín dụng

Chiến lược phát triển tín dụng và chính sách tín dụng phù hợp được nghiên cứu xây dựng dựa trên chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, trong đó xác định vị trí của SeABank, đối tượng khách hàng mục tiêu và thị trường cần hướng tới. Căn cứ vào chiến lược tín dụng, tình hình hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu vốn dự kiến, các chỉ tiêu như: kế hoạch về cơ cấu tín dụng; giới hạn tín dụng theo từng sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, thành phần kinh tế và khách hàng sẽ được phân giao cho các đơn vị thành viên với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu.

SeABank đã xây dựng các chỉ tiêu định hướng hoạt động tín dụng cho các giai đoạn ngắn, trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể: Tăng trưởng tín dụng gắn với huy động vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, gắn công tác tín dụng với nhiệm vụ huy động vốn và phát triển dịch vụ; Xây dựng nền tảng khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ có chất lượng cao, sử dụng đa dạng các tiện ích của

SeABank; Thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng hơn vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao.

Thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng

SeABank đã thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và tuân thủ các hạn mức được xác định trước, bao gồm các hạn mức rủi ro tập trung và hạn mức rủi ro tín dụng. SeABank xác định và quản trị rủi ro tín dụng trong tất cả các hoạt động và sản phẩm có rủi ro tín dụng tiềm ẩn, không thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng mới cho đến khi có hiểu biết đầy đủ về sản phẩm đó cũng như các rủi ro và các biện pháp kiểm soát thích hợp đã được xây dựng và triển khai. SeABank đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ dự phòng tín dụng theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng khép kín

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng của SeABank được triển khai ở tất cả các cấp độ hoạt động, từ các Đơn vị thuộc trụ sở chính đến bộ phận phát triển kinh doanh các đơn vị của từng phân khúc kinh doanh. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro tín dụng, SeABank tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng bao gồm:

- Hệ thống thẩm định, phê duyệt tín dụng;
- Hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng;
- Tối ưu hóa hệ thống cảnh báo rủi ro tín dụng sớm để phát hiện sớm và phòng ngừa rủi ro chủ động;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu để xây dựng các công cụ quản lý rủi ro hữu hiệu và phân loại rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hệ thống giám sát và báo cáo về chất lượng tín dụng;
- Hệ thống thu hồi nợ, cơ cấu nợ và xử lý nợ.

Xử lý rủi ro tín dụng

SeABank đã xây dựng và thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu như sau:

- Đánh giá khách hàng và phân loại nợ một cách chính xác theo thông lệ quốc tế;
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tới từng khoản vay, từng khách hàng;
- Xây dựng các biện pháp ứng xử phù hợp đối với từng khách hàng có nợ xấu;
- Cơ cấu lại nợ đối với những khoản nợ mà khách hàng có thiện chí và có khả năng trả nợ;
- Tiến hành thu hồi nợ xấu;
- Xử lý rủi ro đối với những khoản nợ không còn khả năng thu hồi.

Quản lý rủi ro hoạt động

Đối với rủi ro hoạt động, SeABank đã xây dựng các quy định, quy trình, hệ thống ứng dụng nhằm nhận biết, đánh giá, đo lường các rủi ro hoạt động đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN theo đó rủi ro hoạt động được nhận diện, đánh giá và xếp loại rủi ro theo thang điểm 5 dựa trên mức độ tổn thất tài chính và phi tài chính:

- Tài chính: căn cứ vào giá trị tổn thất theo nhóm hoạt động kinh doanh và khả năng gây ra tổn thất;
- Phi tài chính: dựa trên tác động uy tín, danh tiếng, phát sinh nghĩa vụ pháp lý và gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Với mỗi mức độ trong thang điểm sẽ có một mức độ báo cáo lên cấp thẩm quyền nhất định phê duyệt phương án xử lý, khắc phục rủi ro hoạt động nhằm giảm thiểu tổn thất và ngăn ngừa rủi ro hoạt động phát sinh trên toàn hệ thống.

Công tác quản lý rủi ro hoạt động được SeABank thực hiện thường xuyên, liên tục đối với mọi hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, giám sát rủi ro đồng thời các báo cáo quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện định kỳ hoặc khi có phát sinh.

SeABank cũng đã xây dựng và quản lý hạn mức rủi ro hoạt động để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ cũng như tuân thủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Tổn thất từ rủi ro hoạt động của SeABank các năm vừa qua vẫn nằm trong giới hạn hạn mức rủi ro được thiết lập.

Quản lý rủi ro thị trường

SeABank đánh giá rủi ro thị trường trên cơ sở giao dịch hàng ngày và định kỳ để đưa ra quyết định kịp thời về giảm thiểu rủi ro thị trường và phòng ngừa hiệu quả. SeABank điều chỉnh khẩu vị rủi ro thị trường định kỳ hàng năm bằng cách đặt hạn mức và thước đo định lượng về mức rủi ro tối đa cho từng phân khúc kinh doanh cũng như toàn bộ ngân hàng.

SeABank đã xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh, quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả. Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Đối với rủi ro lãi suất, SeABank đã triển khai đầy đủ các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định của NHNN và tiến tới nghiên cứu, đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II.

SeABank đã triển khai dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã xây

dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đã đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

SeABank đã thiết lập chính sách quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu theo hai danh mục sổ kinh doanh và sổ ngân hàng nhằm tối ưu hóa việc cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khe hở tài sản nhạy cảm với lãi suất nhằm phục vụ hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất. SeABank đã triển khai hệ thống phần mềm ALM. Đồng thời SeABank thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

SeABank triển khai quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Ngân hàng xây dựng báo cáo MCO (Maximum cumulative Outflow) về dòng tiền ra để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đang đáp ứng những chỉ số theo các Thông tư hướng dẫn của NHNN. Báo cáo được xây dựng hàng ngày dựa trên các số liệu trên hệ thống và áp dụng một số các giả định như chỉ số Core Deposit, Prepayment Rate.

Ngân hàng cũng đã hoàn thành dự án ALM để vận hành báo cáo quản trị rủi ro thanh khoản hàng ngày theo hướng tự động hóa và xây dựng các kịch bản stress test căng thẳng thanh khoản kèm theo để phân tích và đưa ra phương án dự phòng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả. Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

Quản lý rủi ro tập trung

SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

Công tác Phòng chống rửa tiền

SeABank luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước về Phòng, chống rửa tiền như Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, Chống rửa tiền, Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ Quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền, Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 của Thống đốc NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN (trước đó là Nghị định số 74/2005/NĐ-CP, Thông tư số 22/2009/TT-NHNN, Thông tư số 41/2011/TT-NHNN). SeABank luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra, Cục Phòng chống rửa tiền trong việc báo cáo giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý. SeABank luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ..., công cụ thống kê phân tích dữ liệu phục vụ phòng chống rửa tiền, nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động của SeABank, ngăn chặn các hành vi lợi dụng SeABank để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hàng năm, SeABank đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

6.3.2. Các Quy Định Về Bảo Đảm An Toàn và Giám Sát

SeABank cũng như tất cả các tổ chức nhận tiền gửi tại Việt Nam được NHNN cấp phép đều phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và chịu sự giám sát của NHNN.

Các tỷ lệ về đảm bảo an toàn và giám sát trong hoạt động bao gồm (a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (b) Giới hạn tín dụng đối với khách hàng; (c) Tỷ lệ khả năng chi trả; (d) Giới hạn góp vốn và mua cổ phần; (e) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn được quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 và Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ 1/1/2020 và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của

Thông đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngoài ra, SeABank phải tuân thủ các quy định về dự phòng rủi ro, trạng thái ngoại tệ.

6.3.3. Các quy định về bảo đảm an toàn

Thông tư 22/2019/TT-NHNN ban hành ngày 15/11/2019 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có quy định như sau:

Sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa sau đây:

- a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020: 40%
- b) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021: 37%
- c) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022: 34%
- d) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022: 30%

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

Ngân hàng thương mại phải đảm bảo duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản ở mức tối thiểu 10%. SeABank đảm bảo tuân thủ tỷ lệ này tại mọi thời điểm trong năm.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Ngân hàng có công ty con phải duy trì:

- Tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của ngân hàng tối thiểu 8%;
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng tối thiểu 8%. Trường hợp ngân hàng có công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm thì tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng nhưng không hợp nhất công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm theo nguyên tắc hợp nhất của pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng.

Giới hạn cấp tín dụng

Trừ trường hợp ngoại lệ, tổ chức tín dụng phải tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng áp dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan, cụ thể như sau:

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu không được vượt

quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với một công ty con, công ty liên kết hoặc doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng đó không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với tất cả các công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng không được vượt quá 20% vốn tự có của tổ chức tín dụng đó.

Giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng được phép góp vốn, mua cổ phần (trừ trường hợp công ty con, công ty liên kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn của các quỹ do công ty quản lý) không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận góp vốn.

Tổng mức góp vốn mua cổ phần của ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.

Dự phòng rủi ro

Theo Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.

Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013, rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định, cụ thể:

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư Nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài

chính của tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu.

Trạng thái ngoại tệ

Được quy định theo Thông tư số 07/2012/TT-NHNN ngày 20/03/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, theo đó tổng trạng thái ngoại tệ dương và tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày không được vượt quá 20% vốn tự có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái ngoại tệ vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái ngoại tệ hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Trạng thái vàng

Được quy định theo Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh mua bán vàng miếng, theo đó tổng trạng thái vàng cuối ngày không được vượt quá 2% vốn tự có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái vàng vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái vàng hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Bảo hiểm tiền gửi

SeABank phải mua bảo hiểm tiền gửi tại Bảo Hiểm Tiền Gửi Việt Nam với mức phí bảo hiểm bằng 0,15% đối với tất cả tiền gửi bằng tiền Đồng của người gửi tiền là cá nhân.

Giám sát

NHNN giám sát hoạt động của SeABank thông qua giám sát từ xa, thanh tra tại chỗ và xử phạt vi phạm hành chính do Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Giám sát từ xa

Căn cứ vào các báo cáo cân đối kế toán, các chỉ tiêu thống kê ngoài cân đối và các loại báo cáo khác do các tổ chức tín dụng gửi theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN của Thống đốc NHNN Quy định các báo cáo thống kê đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ liên quan xử lý số liệu, tổng hợp và phân tích các báo cáo để đánh giá các nội dung sau:

- Diễn biến về cơ cấu tài sản Nợ và tài sản Có;
- Chất lượng tài sản Có;
- Vốn tự có;
- Tình hình thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh;

- Việc thực hiện qui định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và các qui định khác của pháp luật.

6.4.Thị trường hoạt động:

6.4.1 Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch

Tính đến 30/06/2020, SeABank đã thành lập 01 Hội sở, 01 Văn phòng Đại diện và 165 điểm giao dịch tại 25 tỉnh, thành phố trên khắp cả nước, trong đó bao gồm 39 Chi nhánh và 126 Phòng Giao dịch, và được phân bổ như sau:

Khu vực	Số điểm giao dịch	Số lượng chi tiết
Miền Bắc	85	16 Chi nhánh và 69 Phòng Giao dịch
Miền Nam	45	14 Chi nhánh và 31 Phòng Giao dịch
Miền Trung	35	9 Chi nhánh và 26 Phòng Giao dịch
Tổng cộng	165	39 Chi nhánh và 126 Phòng Giao dịch

6.4.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Trong những năm qua với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, SeABank đã có mạng lưới hơn 1 triệu khách hàng trên khắp cả nước. Nhằm đẩy mạnh phát triển khách hàng, SeABank cũng đã thành lập các Trung tâm Kinh doanh tại khắp ba miền nhằm chuyên biệt công tác phát triển khách hàng cho các vùng/ khu vực. Ngoài ra, SeABank còn triển khai bán hàng thông qua các kênh phân phối sau:

- **Đội ngũ Bán hàng trực tiếp (Direct Sales):** Đội ngũ nhân viên bán hàng trực tiếp là kênh bán hàng chính tại các thành phố lớn và chi nhánh lớn của SeABank. Đội ngũ này phụ trách bán các sản phẩm như cho vay vốn lưu động, cho vay thực hiện chuỗi cung ứng và quản lý tiền mặt. Tất cả các nhân viên được đào tạo chuyên về từng ngành và phân khúc khách hàng cụ thể. Điều này cho phép đội ngũ thực hiện bán sản phẩm hiệu quả và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng phụ trách bán các sản phẩm đặc biệt khác tùy theo các chiến lược và chiến dịch đang diễn ra tại thời điểm hiện tại.
- **Đại lý:** Các đại lý là kênh bán hàng chính của SeABank ở các tỉnh. Đại lý phụ trách bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng mới. Tại các thành phố lớn, các đại lý chính là đại lý xe hơi và đại lý bất động sản hỗ trợ SeABank trong việc giới thiệu cho khách hàng các khoản vay ô tô và vay thế chấp. Các đại lý không được phân loại như nhân viên của SeABank vì các đại lý nhận thưởng bằng hoa hồng.
- **Tổng đài Contact Center:** SeABank với sự hỗ trợ của các chuyên gia của cổ đông chiến lược nước ngoài Societe Generale đã xây dựng và đưa hoạt động Contact Center

24/7 từ năm 2008 để nhận, hướng dẫn và giải quyết các yêu cầu về sản phẩm và các chương trình khuyến mãi hiện đang triển khai. Nếu khách hàng quan tâm đến một sản phẩm nhất định, Tổng đài sẽ chuyển cuộc gọi tới đội bán hàng phù hợp theo yêu cầu hay kết nối người gọi tới nhóm bán hàng tương ứng thông qua hệ thống web nội bộ. Khách hàng có thể liên hệ đường dây nóng 24 giờ một ngày và 7 ngày một tuần. Đồng thời, đội ngũ Contact Center 24/7 còn được đào tạo chủ động gọi điện bán hàng cho khách hàng trong những chiến dịch bán hàng cụ thể.

- Ngân hàng trực tuyến - Internet Banking (SeANet) là dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng tiến hành các giao dịch tài chính bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Các dịch vụ hiện có trên SeANet của SeABank rất đa dạng bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền, dịch vụ tiền gửi, yêu cầu thanh toán và truy vấn thẻ, yêu cầu vay tiền, hóa đơn và các dịch vụ thanh toán khác, và đang tiếp tục được SeABank cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.
- Ngân hàng qua điện thoại - Mobile Banking: Ứng dụng SeAMobile cung cấp cho khách hàng là những người sử dụng điện thoại thông minh khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính suốt 24 giờ. Các dịch vụ hiện có trên ứng dụng SeAMobile bao gồm tra cứu tài khoản, chuyển tiền nhanh, thanh toán hóa đơn, tra cứu thẻ và các dịch vụ thanh toán khác.

Với hơn 1 triệu khách hàng trên cả nước, SeABank đã luôn nỗ lực xây dựng hệ thống dịch vụ toàn diện và hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, SeABank cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam. Các sản phẩm, dịch vụ cũng thường xuyên được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tới Khách hàng, phù hợp với định hướng chiến lược lấy Khách hàng là trọng tâm.

6.4.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Hiện nay trên thị trường Việt Nam, ngoài 4 Ngân hàng lớn có vốn Nhà nước là Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank, có khoảng hơn 30 ngân hàng thương mại cổ phần đang hoạt động. Ngoài ra thị trường còn có sự tham gia của trên 60 các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh các ngân hàng nước ngoài. Mỗi loại hình Ngân hàng đều có thế mạnh riêng, do đó cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng ngày càng khốc liệt, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Nhận thức rõ điều này, SeABank không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, đặc biệt là đầu tư vào công nghệ để tạo ra lợi thế cạnh tranh, thu hút và giữ chân khách hàng.

Nhận thức rõ vai trò của Công nghệ trong việc duy trì năng lực cạnh tranh trên thị trường, SeABank đã có những nỗ lực trong việc cải tiến Công nghệ. SeABank đã áp dụng hệ thống T24 Core banking là công nghệ ngân hàng tiên tiến, hỗ trợ triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. SeABank cũng đã thay đổi giao diện giao và các tiện ích giao dịch trực tuyến nhằm tạo cho khách hàng sự thuận tiện. SeABank cũng có Mobile apps giúp khách hàng có những trải nghiệm tốt khi sử dụng dịch vụ của ngân hàng.

Những giải thưởng uy tín được trao bởi Chính phủ, các tổ chức, tạp chí hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng là minh chứng cho uy tín và chất lượng dịch vụ Ngân hàng của SeABank.

6.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện: Không có.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong giai đoạn từ năm 2018 đến hết 06 tháng đầu năm 2020 có sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể:

- Tổng tài sản đến thời điểm 30/6/2020 đạt 162 nghìn tỷ đồng, tăng thêm hơn 4.000 tỷ đồng so với cuối năm 2019, tương ứng với mức tăng 2,63% so với thời điểm cuối năm 2019 và 15% so với thời điểm cuối năm 2018.
- Thu nhập lãi và các khoản tương tự đạt lần lượt 5.273 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2020 và 10.208 tỷ đồng trong năm 2019 (tương ứng với mức tăng gần 17,89% so với năm 2018).
- Tổng thu thuần của toàn hàng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 2.003 tỷ đồng, tăng 20,35% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, thu lãi thuần vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất; lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, đầu tư tăng nhanh.
- Nhờ việc chú trọng phát triển kinh doanh tất cả các hạng mục kết hợp với kiểm soát chi phí tốt, lợi nhuận trước thuế của SeABank 6 tháng đầu năm 2020 đạt 669 tỷ đồng, gấp 1,63 lần so với cùng kỳ năm 2019.
- Vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2020 đạt 11.422 tỷ đồng, tăng 496 tỷ đồng so với 31/12/2019, chủ yếu do sự tăng lên từ lợi nhuận chưa phân phối.

Bảng 7. Kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	6T/Năm 2020	Tăng trưởng 2018-2019
Tổng tài sản	140.487	157.398	161.540	12,04%
Thu nhập lãi và các khoản tương tự thu nhập lãi	8.659	10.208	5.273	17,89%
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	2.811	5.211	2.003	85,34%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	129	292	153	126,36%
Lợi nhuận trước thuế	622	1.391	669	123,63%
Lợi nhuận sau thuế	493	1.098	516	122,72%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2018-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Bảng 8. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6T/2020	
	Giá Trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Thu nhập lãi tiền gửi	98	1,13%	130	1,27%	116	2,20%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	6.855	79,17%	8.439	82,67%	4.410	83,63%
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.604	18,52%	1.524	14,93%	679	12,88%
Thu nhập Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	29	0,33%	37	0,36%	19	0,36%
Thu nhập khác	73	0,84%	78	0,76%	49	0,93%
Tổng cộng	8.659	100%	10.208	100%	5.273	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2018-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Thu nhập lãi cho vay của khách hàng tăng trưởng qua các năm và là nguồn thu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng thu nhập lãi của ngân hàng.

Bảng 9. Cơ cấu thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh của ngân hàng

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6T/2020	
	Giá Trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Thu nhập lãi thuần	2.337	83,14%	2.895	55,56%	1.338	66,80%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	186	6,62%	335	6,43%	151	7,54%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32	1,14%	10	0,19%	12	0,57%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	234	8,32%	406	7,79%	164	8,19%
Lãi thuần từ hoạt động khác	20	0,71%	1.534	29,44%	338	16,87%
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	2	0,07%	31	0,59%	1	0,03%
Tổng cộng	2.811	100%	5.211	100%	2.003	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2018-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

Bảng 10. Báo cáo vốn chủ sở hữu

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6T/2020	
	Giá Trị	Tỷ lệ	Giá Trị	Tỷ lệ	Giá Trị	Tỷ lệ
Vốn của TCTD	7.688	92,60%	9.369	85,76%	9.369	82,01%
Vốn điều lệ	7.688	92,60%	9.369	85,76%	9.369	82,01%
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Quỹ của TCTD	195	2,35%	232	2,11%	232	2,03%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	3	0,03%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	5,05%	1.325	12,13%	1.818	15,93%
Tổng cộng	8.302	100%	10.926	100%	11.422	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2018-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SeABank trong năm báo cáo

Hoạt động kinh doanh năm 2018 và 2019 của SeABank chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố khách quan và nhóm các nhân tố chủ quan, vừa gây khó khăn nhưng cũng mang lại những thuận lợi nhất định cho SeABank:

❖ Bối cảnh chung của nền kinh tế:

Ngày 09/01/2020, Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết kinh tế thế giới năm 2019 có tốc độ tăng trưởng yếu nhất 10 năm kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong báo cáo triển vọng kinh tế thế giới, WB hạ dự báo tăng trưởng 0,2% đối với năm 2019 và 2020 xuống còn 2,4% và 2,5%. Tăng trưởng thương mại được dự báo cải thiện từ 1,4% năm 2019 (thấp nhất kể từ giai đoạn 2008 - 2009) lên 1,9% trong năm 2020. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5% tính từ năm 2010 và rất dễ bị ảnh hưởng bởi các bất ổn thương mại và căng thẳng chính trị. Triển vọng của các nền kinh tế phát triển, đang phát triển và mới nổi cũng khác biệt. Tăng trưởng tại Mỹ, khu vực đồng tiền chung châu Âu và Nhật Bản dự báo sẽ giảm tốc từ 1,6% năm 2019 xuống còn 1,4% năm 2020. Ngược lại tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi dự báo tăng từ 4,1% năm 2019 lên 4,3% năm 2020. Tăng trưởng trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương được dự báo sẽ chững lại, chỉ còn 5,7% vào năm 2020, do tăng trưởng tại Trung Quốc tiếp tục giảm xuống 5,9% trong năm nay với khó khăn trong nước và bên ngoài tiếp tục diễn ra bao gồm tác động kéo dài của căng thẳng thương mại. Tăng

trường của khu vực, ngoại trừ Trung Quốc, được dự báo sẽ khôi phục nhẹ lên 4,9% do sức cầu trong nước được hưởng lợi nhờ tình hình tài chính khá thuận lợi, lạm phát thấp, dòng vốn đầu tư đổ mạnh vào một số quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, trước những ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên toàn cầu, theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới được công bố ngày 14/04/2020, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF đã giảm tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống -3% cho năm 2020, thấp hơn 6,3% so với mức dự báo đưa ra vào tháng 01/2020. Trong đó các cường quốc kinh tế hàng đầu đều oằn mình trước tác động của dịch bệnh: tăng trưởng GDP dự báo giảm còn -5,9% từ mức 2,3% năm ngoái. Dự báo với Trung Quốc cũng giảm xuống 1,2% so với con số 6,1% của năm 2019.

Năm 2019, GDP của Việt Nam đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6 - 6,8% (quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 7,48%, quý IV tăng 6,97%). Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Ngoài ra, có thể nhắc đến một số kết quả nổi bật khác của kinh tế Việt Nam năm 2019 như kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp với chỉ số CPI bình quân 2,79% và dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định; dự trữ ngoại hối tăng. Những tháng đầu năm 2020, nền kinh tế Việt Nam cũng như các nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Quý I/2020 đạt 3,82% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 0,08%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15% và khu vực dịch vụ tăng 3,2%. Đây mà mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Tăng trưởng GDP Quý II/2020 chỉ đạt 0,36% so - mức tăng thấp nhất của Quý II các năm trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch Covid – 19 tiếp tục diễn biến phức tạp thì mức tăng trưởng của Việt Nam vẫn được đánh giá ở mức khá so với nhiều nền kinh tế khác trong khu vực và trên thế giới.

❖ Bối cảnh chung của ngành Ngân hàng

Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Hiện tại, có 18 ngân hàng trong nước đã áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được cải thiện, đạt mức 12%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn ngành ngân hàng năm 2019 vào khoảng 1,8%, nếu tính cả nợ xấu tiềm ẩn (nợ tại VAMC) thì tỷ lệ nợ xấu là hơn 3,3%. Nhiều ngân hàng đã và đang duy trì chính sách trích lập dự phòng ở mức cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro trong trường hợp thị trường biến động.

Bên cạnh đó, để đáp ứng quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn tại Thông tư 22 số 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng đã chủ động giảm tỷ trọng cho vay vào các ngành rủi ro (bất động sản, xây dựng...), tăng cường huy động vốn dài hạn, nâng cao chất lượng tín dụng. Vì vậy, chất lượng tài sản của các ngân hàng đã và đang được cải thiện.

Tuy nhiên, dự báo lãi suất huy động các kỳ hạn dài nhiều khả năng sẽ tăng trở lại vào tháng 10 - 11/2020 do áp lực lạm phát có thể tăng vào thời điểm cuối năm, cũng như quy định mới về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SML) bắt đầu được áp dụng vào cuối quý III/2020. Nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn được dự báo sẽ giảm dần trong hoạt động sản xuất khi áp dụng tỷ lệ SML mới. Huy động tiền gửi không kỳ hạn sẽ tiếp tục gia tăng tại nhóm các

ngân hàng thương mại cổ phần khi đưa ra nhiều chính sách cạnh tranh hấp dẫn để hút dòng tiền này.

Với việc tăng cường áp dụng các dịch vụ gia tăng trong hệ thống ngân hàng, cũng như sự phát triển của các kênh thanh toán không dùng tiền mặt - fintech (ví điện tử, ngân hàng số), người gửi tiền sẽ sử dụng nhiều hơn các dịch vụ tài chính.

Trong những tháng đầu năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới và ngay tại Việt Nam, ngành Ngân hàng cũng đã chung tay chia sẻ những rủi ro và khó khăn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh này như: hạ lãi suất cho vay, giãn nợ, tăng thời hạn thu hồi vốn, mở thêm các gói tín dụng phù hợp. Ngành ngân hàng đang đồng hành cùng với các doanh nghiệp và cộng đồng trong phòng chống dịch bệnh, chia sẻ khó khăn. Với các chính sách chia sẻ khó khăn đó, ngành Ngân hàng sẽ có những tổn thất đáng kể, song thông qua việc cải cách cơ cấu thu nhập, cải tổ hoạt động của toàn hệ thống ngân hàng, cùng những kỳ vọng nền kinh tế vẫn tiếp tục sáng hơn và tăng trưởng khá trong năm 2020.

❖ Đánh giá thuận lợi và thử thách cho Ngân hàng

Việt Nam mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều yếu kém: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém... Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối là nhãn tiền khi mà các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn nữa. Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỉ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cơn sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng.

Thế chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh.

Bên cạnh những thách thức trên, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này. Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Ngược lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ;

thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Tình hình kinh tế vĩ mô cũng có một số thuận lợi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Chính phủ gần đây đã thực hiện các biện pháp để tăng cường nền kinh tế Việt Nam và định hướng phát triển bền vững lâu dài. Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại.

Trong nội tại SeABank, SeABank tiếp tục tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu. Đi cùng với tăng trưởng tín dụng gắn liền với kiểm soát nợ xấu, SeABank đã thực hiện quản trị rủi ro tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,31% (31/12/2019) và luôn duy trì mức dưới 3% trong năm 2019 tuân thủ quy định của NHNN là 3%.

SeABank đã kiểm soát tốt chi phí trong năm 2019 thông qua việc xác định và cắt giảm các chi phí không cần thiết, đồng thời cải thiện các loại chi phí giúp tăng doanh thu cũng như năng suất làm việc trong SeABank.

SeABank cũng đã xây dựng hệ thống công nghệ hiện đại và đây tiếp tục là cơ sở giúp SeABank đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng cũng như tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá và nền công nghiệp 4.0.

8. Vị thế của SeABank trong ngành ngân hàng

8.1. Định vị SeABank trong ngành ngân hàng

Với những nỗ lực không ngừng và sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, trải qua 26 năm hình thành và phát triển, SeABank đã có những bước phát triển, từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính - tiền tệ Việt Nam và trở thành người đồng hành tin tưởng kết nối thành công cho mỗi khách hàng. Trên nền tảng công nghệ tiên tiến, SeABank đi tiên phong trong việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại nhằm phục vụ tất cả nhu cầu giao dịch và đảm bảo lợi ích của khách hàng như Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Call Centre, Autobank, thẻ ATM... SeABank cũng là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam trở thành thành viên chính thức của cả hai tổ chức thẻ quốc tế hàng đầu Visa và MasterCard, đồng thời cũng là đại lý của Western Union tại Việt Nam; là ngân hàng triển khai đồng bộ xác thực theo chuẩn EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ quốc tế Visa, MasterCard; ngân hàng triển khai hiệu quả đồng bộ dịch vụ ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ...

Với mạng lưới rộng khắp, tiềm lực tài chính vững mạnh, nền tảng công nghệ hiện đại và hệ thống quản trị chuyên nghiệp, SeABank không chỉ mang đến sự hài lòng cho khách hàng cá nhân mà còn đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính - ngân hàng của các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn lớn với các gói giải pháp tài chính phù hợp. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm nên vị thế vững mạnh của SeABank như ngày nay là hoạt động phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn trở thành khách hàng chiến lược, thông qua các chương trình hợp tác đôi bên cùng có lợi nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác và nhân viên của hai bên. Với sứ mệnh Kết Nối Giá Trị Cuộc Sống, trong những năm qua, SeABank đã thành công trong việc kết nối nhiều đối tác lớn trở thành khách hàng chiến lược

của SeABank như Các tổng công ty thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Vietnam Airlines, Mercedes-Benz Việt Nam, Tổng Công ty thông tin di động VMS-MobiFone, Các Tổng công ty thuộc Tập đoàn dệt may Việt Nam, v.v... Mới đây, SeABank đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long, Tập đoàn Sumitomo của Nhật Bản nhằm khai thác và phát huy thế mạnh của mỗi bên trên các lĩnh vực hoạt động kinh doanh với mục tiêu đem đến cho khách hàng những ưu đãi, tiện ích tốt nhất.

Trong giai đoạn 2012-2016, nền kinh tế thế giới vẫn tồn tại những hệ lụy còn sót lại từ cuộc khủng hoảng năm 2008. Trước tình hình kinh tế còn nhiều biến động, SeABank đã nỗ lực hoạt động và giữ vững thanh khoản, hoạt động luôn đạt lợi nhuận, huy động vốn và tín dụng đều tăng trưởng, đồng thời, duy trì tỷ lệ nợ xấu luôn dưới mức 3%. SeABank luôn nằm trong **top 50** (năm 2011-2014) hoặc **top 100** (năm 2015, 2016) doanh nghiệp đóng thuế nhiều nhất cho ngân sách nhà nước và đã được Đảng, Nhà nước và Thành phố Hà Nội ghi nhận bằng nhiều danh hiệu, hình thức khen thưởng.

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động, giữ vững uy tín thương hiệu nên luôn được khách hàng an tâm, tin tưởng sử dụng sản phẩm dịch vụ. Đến thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của SeABank đạt 157.398 tỷ đồng và hiện nay đứng trong nhóm các NHTMCP có quy mô tổng tài sản từ trên **100.000 tỷ đồng**, thuộc nhóm ngân hàng có quy mô trung bình trong hệ thống ngân hàng. SeABank cũng đã được NHNN xếp hạng trong **Nhóm các TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2019**.

Năm 2019, SeABank lần lượt được vinh danh 13 giải quốc tế và 25 giải thưởng trong nước. Các giải thưởng quốc tế đa dạng như Ngân hàng Bán lẻ được yêu thích nhất 2019, Nhân hiệu Asean 2019 hay Top 500 ngân hàng lớn nhất châu Á – Thái Bình Dương ghi nhận sự phát triển lớn mạnh về quy mô, kết quả kinh doanh, đồng thời khẳng định uy tín thương hiệu của SeABank. Đặc biệt, SeABank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên Đoàn Doanh nghiệp thế giới (Worldcob) và nhận chứng nhận Doanh nghiệp xuất sắc năm 2019 của tổ chức này.

Đồng thời, với những kết quả kinh doanh ấn tượng, cùng hàng loạt các hoạt động văn hóa doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển cộng đồng cũng chính là những tiêu chí quan trọng để Tạp chí Finance Derivative vinh danh bà Lê Thu Thủy - Tổng Giám đốc SeABank danh hiệu “Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất năm 2019”.

8.1.1 Điểm mạnh của SeABank:

- Mô hình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động rõ ràng, minh bạch và thể hiện rõ tính tập trung và chuyên môn hóa cao về nghiệp vụ; Phân định rõ giữa quản trị và điều hành, điều hành và thực thi, và tách bạch trách nhiệm của mỗi bộ phận chuyên môn; quy trình hoạt động đồng bộ và toàn diện.
- Chuỗi sản phẩm, dịch vụ bán lẻ với nhiều đối mới dựa vào nhu cầu thực tế của khách hàng được SeABank liên tục nghiên cứu, phát triển và đưa ra trong thời gian vừa qua, và ngày càng mang tính cạnh tranh trên thị trường.
- Mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước và ngày càng hoạt động hiệu quả.

- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại với hệ thống quản trị lõi ngân hàng T24 ưu việt và công nghệ điện toán đám mây giúp xử lý giao dịch nhanh gọn, an toàn và bảo mật.
- Đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, nhiều hoài bão, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn, năng lực tốt và trung thành, gắn bó với SeABank.
- Hội đồng Quản trị và các cổ đông luôn sát sao và hỗ trợ kịp thời hoạt động của ngân hàng.

8.1.2 Điểm hạn chế của SeABank

SeABank cũng như nhiều ngân hàng trong hệ thống còn một số điểm hạn chế cần khắc phục nếu muốn phát triển mạnh mẽ, tầm cỡ quốc tế, cụ thể:

- Hiệu quả kinh doanh vẫn chưa phù hợp với quy mô.
- Quy mô hoạt động còn hạn chế; thị phần huy động, cho vay còn nhỏ; hoạt động dịch vụ khiếm tốn trong tổng doanh thu của ngân hàng; chưa khai thác triệt để tiềm năng của khách hàng giao dịch hiện tại.
- Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu tập trung vào tín dụng, các sản phẩm phi tín dụng, đầu tư, phái sinh còn chưa đa dạng; chưa có nhiều sản phẩm được đóng gói đầy đủ và riêng biệt dành riêng cho từng phân khúc khách hàng; mức độ thuận tiện còn hạn chế, chưa phù hợp với đặc thù từng địa phương.
- Mạng lưới hoạt động hiện nay tập trung nhiều ở Hà Nội, Hồ Chí Minh.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Với đặc thù của một nền kinh tế mới phát triển và dựa nhiều vào vốn, ngành ngân hàng Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển với tốc độ rất nhanh. Nhìn chung các ngân hàng ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn non trẻ với nghiệp vụ chủ yếu là kinh doanh cho vay vốn. Nói cách khác, Ngân hàng chính là các doanh nghiệp có doanh thu chủ yếu đến từ kinh doanh vốn.

Từ năm 2013 tới nay, cho vay khách hàng toàn ngành luôn tăng trưởng dương. Điều này tác động tích cực tới các ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô liên tục có diễn biến tốt. Bên cạnh đó, cơ cấu tín dụng cũng có sự thay đổi đáng kể theo hướng bền vững hơn. Cụ thể, các khoản vay chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (chiếm 80% tổng dư nợ) trong khi lĩnh vực Bất động sản vốn không tạo ra dòng tiền liên tục thì tốc độ tăng trưởng đã chậm lại. Trong năm 2017, tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 18,17%, tuy nhiên dư nợ cho vay đối với hoạt động xây lắp tăng 9,9% và hoạt động kinh doanh bất động sản chỉ tăng 5,9%. Cơ cấu tín dụng dịch chuyển vào các lĩnh vực tạo ra dòng tiền, giá trị thặng dư lớn giúp dòng vốn liên tục luân chuyển, tránh ứ đọng và hạn chế tình trạng bong bóng bất động sản, vốn là nguyên nhân chính gây nên cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008-2012. Trong năm 2018, chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành dự kiến là 17%. Việc giảm tỷ lệ tăng trưởng tín dụng so với hai năm trước nhằm kiểm soát việc tăng trưởng quá nóng hoạt động tín dụng, chú trọng hơn đến nâng cao chất lượng khoản vay. Đồng thời, việc này sẽ tạo ra sự phân hóa khá mạnh trong ngành khi chỉ những ngân hàng hoạt động hiệu quả, chất lượng tài sản tốt, nợ xấu giảm mới được nói tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, trong khi ở các ngân hàng yếu, kém thì việc tăng trưởng sẽ khó khăn hơn.

Dự kiến trong năm 2020, với việc các ngân hàng áp dụng Basel II và sự ra đời của Thông tư 22 nhằm siết chặt hơn chất lượng tài sản của hệ thống, dự báo tăng trưởng tín dụng

toàn ngành sẽ ở mức thấp hơn các năm trước, dự kiến khoảng 12 - 13%. Tuy nhiên, dòng vốn tín dụng sẽ hướng đến những ngành nghề ưu tiên và sản xuất. Tăng trưởng tín dụng sẽ tập trung phần lớn vào các ngân hàng đã đáp ứng Basel II hoặc đáp ứng được hệ số an toàn theo Thông tư 22. Với nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, có nhiều cơ hội gia tăng tín dụng nhờ trần hệ số huy động/cho vay (LDR) được tăng từ 80% lên 85% và nhóm này sẽ tối ưu hóa hiệu quả bằng việc phân bổ lại tài sản theo quy định của Basel II nhằm gia tăng lợi nhuận trong điều kiện khó nâng vốn. Các ngân hàng thuộc nhóm này sẽ tập trung tăng trưởng tín dụng tiêu dùng (cá nhân) nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Ngân hàng Nhà nước dự kiến sẽ cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn so với bình quân ngành cho nhóm này khi tỷ lệ an toàn vốn được đảm bảo. Thách thức chung của các ngân hàng năm 2020 sẽ đến từ “room tín dụng eo hẹp”. Với những ngân hàng có các thị trường riêng, dự báo duy trì đà tăng trưởng tốt, thì luôn mong muốn được nói room tín dụng ngay từ giữa năm (kế hoạch tín dụng thường cao hơn room được giao ban đầu) và sẽ chủ động hướng đến các mảng dành cho đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ và nhóm bán lẻ.

Dù đang trong quá trình tái cơ cấu, nhưng kết quả kinh doanh của các ngân hàng được dự báo duy trì ở mức ổn định, với hệ số thu nhập lãi cận biên (NIM) bình quân khoảng 3,2 - 3,4%. Thu nhập ròng từ lãi (NII) đang được cải thiện nhờ việc cơ cấu các khoản vay, hướng đến nhóm bán lẻ, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ngoài thu nhập chính từ hoạt động thu lãi thì tỷ trọng thu nhập ngoài lãi với hiệu suất sinh lời cao đang được các ngân hàng chú trọng thực hiện. Tăng trưởng thu nhập từ thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đến từ dư địa của kênh bancassurance, thu phí dịch vụ ngân hàng và chiến lược đẩy mạnh ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số.

Bên cạnh đó, cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại khác. Sự chuyển dịch cơ cấu này phù hợp với xu hướng chung của các ngân hàng hiện đại: giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của SeABank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì định hướng chiến lược của SeABank hướng tới tăng trưởng bền vững trên cơ sở phát triển các nguồn lực nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn của thị trường. Qua đó, SeABank hướng đến mục tiêu làm gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng cơ bản, bao gồm: nguồn nhân lực, hệ thống CNTT, vận hành và quản trị rủi ro, phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, SeABank cũng rất chú trọng đến vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Dựa trên nền tảng hiện có, SeABank tiếp tục đầu tư vào xây dựng

hệ thống CNTT, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hóa và phù hợp với yêu cầu hội nhập, kết hợp với việc xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho ngân hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ tác động từ nền kinh tế. SeABank tin tưởng rằng, sự phát triển của ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nói riêng và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Ngân hàng

Bảng 11. Số lượng và cơ cấu người lao động (*)

Trình độ	30/06/2020	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	161	4,2%
Đại học	3.337	86,5%
Cao đẳng	223	5,8%
Trung cấp	51	1,3%
PTTH	84	2,2%
Tổng cộng:	3.856	100%

(*) Số liệu này chỉ bao gồm số lượng lao động của SeABank, chưa tính đến số lượng lao động của các công ty con.

Nguồn: SeABank

9.2. Chính sách đào tạo, đãi ngộ đối với người lao động

Với quan điểm con người là trọng tâm của tổ chức, SeABank đã và đang đặt vấn đề nguồn nhân lực là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của ngân hàng.

Để duy trì và giữ chân nhân sự, SeABank xây dựng hệ thống chế độ phúc lợi, đãi ngộ cạnh tranh song song với hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và đánh giá năng lực, xây dựng lộ trình công danh kết hợp chính sách đào tạo phát triển cho toàn bộ các chức danh nhằm tạo cơ chế đánh giá, ghi nhận công bằng và cơ hội phát triển cho tất cả các CBNV trong Ngân hàng, cụ thể như sau:

a. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Bên cạnh việc đảm bảo các phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy định của Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội, SeABank xây dựng chính sách đãi ngộ tổng thể (Total Rewards) gắn liền với chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự nhằm đạt được chiến lược phát triển cốt lõi là trở thành ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất; với mục tiêu

mang đến cho các CBNV các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, tương xứng với đóng góp, cống hiến của từng Cá nhân đối với sự phát triển của SeABank:

- ✓ **Điều chỉnh lương định kỳ:** Cấu trúc lương 3P của SeABank được xây dựng với sự tham gia tư vấn của Talentnet - Mercer dựa trên các nguyên tắc cạnh tranh với thị trường và công bằng trong nội bộ, phù hợp với chiến lược kinh doanh và chiến lược con người của Ngân hàng. Hàng năm, SeABank đều tiến hành các đợt điều chỉnh lương định kỳ và điều chỉnh lương theo các đợt nâng bậc/bổ nhiệm tập trung với các nguyên tắc xem xét trọng tâm vào vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc và thâm niên công tác của từng cá nhân để có chính sách lương cạnh tranh với thị trường và công bằng nội bộ;

✓ **Chính sách thưởng:**

Hệ thống chính sách thưởng của SeABank được cấu trúc bao gồm nhiều chính sách thưởng khác nhau dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng. SeABank đảm bảo cán bộ nhân viên có thành tích tốt sẽ được khen thưởng xứng đáng và kịp thời với hệ thống các chính sách thưởng đa dạng và gắn kết trực tiếp với kết quả, hiệu quả làm việc:

- Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng;
 - Chính sách Lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán với sự tư vấn của đối tác Mercer Singapore và Talentnet nhằm thúc đẩy kết quả kinh doanh của lực lượng bán theo chiến lược phát triển của Ngân hàng, đảm bảo thu nhập cạnh tranh với thị trường;
 - Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng Đơn vị, Cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng;
 - Các chính sách thưởng thành tích đặc biệt cho các Cá nhân, Đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân công, giao phó; thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo,...
- ✓ **Các chính sách phúc lợi:** hệ thống chính sách phúc lợi của SeABank ngày càng được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại giá trị đãi ngộ tốt nhất cho CBNV; đồng thời tạo được sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc, thúc đẩy văn hóa hướng đến hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài:
- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho Cán bộ nhân viên và người thân với phạm vi và quyền lợi bảo hiểm được mở rộng, nâng cao hàng năm;
 - Chính sách vay vốn ưu đãi dành cho CBNV SeAStaff Privileged;
 - Chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng số ngày nghỉ phép năm;

- Các chương trình/hoạt động kết nối và gắn kết đồng nghiệp (Team Building, SeAFamily,...);
 - Các chương trình tri ân CBNV và gia đình (SeATet,...).
- ✓ **Các chế độ khác:** các CBNV trong hệ thống được thường xuyên tham các sự kiện lớn, gia các hoạt động kết nối của SeABank được tổ chức quy mô, ấn tượng như lễ kỷ niệm ngày thành lập SeABank; Hội nghị Sơ kết Quý, 6 tháng; Hội nghị Tổng kết năm; các chương trình, hoạt động quy mô chào mừng những ngày lễ lớn trong năm như Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu, Giáng sinh - Năm mới; hội thao toàn hàng SeALeague, SeAWomen League và SeALeader League, hội thao SeASport,... Ngoài ra, hàng năm SeABank còn chú trọng tổ chức các hoạt động từ thiện được phát động trên toàn hệ thống với 3 quỹ từ thiện lớn (Ươm mầm ước mơ, One Day – One Smile, SeALove Lan tỏa yêu thương) và nhiều hoạt động xã hội thường niên (Xuân yêu thương, SeABankers vì trẻ thơ, Tuần lễ Công dân, Chấn ầm đầu đông và SeABank Run For The Future) cùng các hoạt động khác nhằm mang những món quà thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng. Chuỗi các hoạt động kết nối đồng nghiệp, các hoạt động an sinh xã hội là một trong những niềm tự hào của SeABank về Văn hóa tổ chức của - đại diện cho tinh thần, hình ảnh SeABank muốn đem tới cho khách hàng và cũng là chìa khóa quan trọng cho việc gắn kết và giữ chân nhân sự.

b. Phát triển nguồn lực:

Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự tổng thể của SeABank; hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi CBNV được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và phát triển lộ trình công danh của cá nhân cùng với sự phát triển của Ngân hàng. Trong năm 2019, các hoạt động quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tiếp tục được triển khai đa dạng qua hệ thống các chương trình/ công cụ đánh giá, sàng lọc và lựa chọn nhân sự:

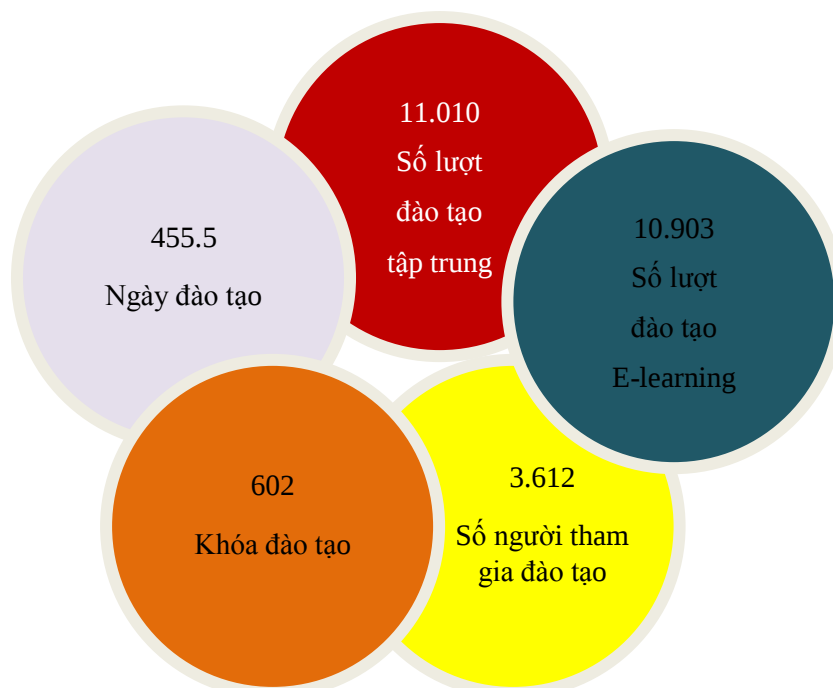
- ✓ Đánh giá kiến thức: các chương trình sát hạch nghiệp vụ định kỳ đánh giá trình độ chuyên môn và kiến thức nghiệp vụ theo từng vị trí chức danh;
- ✓ Đánh giá hiệu quả làm việc theo KPIs gắn liền với kết quả làm việc của CBNV: ghi nhận năng lực, kết quả làm việc và mức độ đóng góp của từng Cá nhân.
- ✓ Đánh giá năng lực, tiềm năng phát triển và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự nội bộ thông qua hệ thống các **Chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp** đối với từng nhóm chức danh trên toàn hệ thống: đã đánh giá và quy hoạch đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để bổ nhiệm vào các vị trí khuyết thiếu trong hệ thống theo lộ trình nghề nghiệp của CBNV tại Đơn vị kinh doanh và Hội sở; đáp ứng sự chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống mạng lưới của Ngân hàng.

- ✓ Xây dựng đội ngũ tiềm năng, đào tạo phát triển, tạo nguồn cho các vị trí Quản lý trong tương lai thông qua các chương trình quy hoạch như Chương trình **Đánh giá năng lực và Quy hoạch đội ngũ Giám đốc SeABank** tiềm năng - đánh giá năng lực đội ngũ quản lý cấp trung theo khung năng lực vị trí theo yêu cầu của chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, từ đó quy hoạch đội ngũ nhân sự theo mô hình về quản lý nhân tài (Talent pool) của Ngân hàng nhằm xây dựng chính sách đãi ngộ theo năng lực đồng thời triển khai các chương trình đào tạo phát triển năng lực đội ngũ và sẵn sàng nguồn lực kế cận khi có các vị trí quản lý khuyết thiếu, đáp ứng nhu cầu của hệ thống.

Thông qua hệ thống công cụ đánh giá và quy hoạch nhân sự, trong năm 2019 ghi nhận 422 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí cao hơn theo lộ trình nghề nghiệp (trong đó, 22 lượt CBNV được bổ nhiệm nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao/ trung trong hệ thống; 127 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí quản lý sơ cấp, chuyên gia; 273 lượt CBNV được nâng bậc lên các vị trí Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính theo lộ trình nghề nghiệp).

c. Chính sách đào tạo phát triển

Song hành cùng công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự, được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực của SeABank trong năm 2019 đã đạt được những con số ấn tượng sau đây:



Với phương châm đào tạo NHANH – RỘNG – CHẤT, SeABank luôn đầu tư thích đáng cho công tác nâng cao năng lực và phát triển cá nhân đối với CBNV: 100% các chức danh chính tại đơn vị kinh doanh và Hội sở đều được tham gia đào tạo, tỷ lệ nhân sự tại

đơn vị kinh doanh được đào tạo nâng cao đạt trên 70%. Các chương trình đào tạo được thiết kế gắn liền với lộ trình phát triển nghề nghiệp và theo từng nhóm chức danh chuẩn, đa dạng về phương thức đào tạo: đào tạo tập trung, đào tạo qua E-learning, tọa đàm, đối thoại chia sẻ kinh nghiệm, huấn luyện thực tế.

Một trong số các chương trình nổi bật là Chương trình đào tạo Nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Với sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng Giám đốc và sự phối hợp của các chuyên gia nước ngoài, Ban Giám đốc các Khối Quản trị rủi ro, Pháp chế và Tuân thủ, Khách hàng doanh nghiệp.... SeABank đã triển khai được 37 lớp dành cho các Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc mảng và toàn bộ cán bộ kinh doanh tại Chi nhánh. Chương trình đã đưa ra các tình huống thực tế và bám sát công việc của các đối tượng học viên, từ đó rút ra những bài học, kinh nghiệm để có thể áp dụng tốt vào công việc.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của SeABank phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua việc sử dụng phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2017 và lũy kế đến ngày 31/12/2017 để chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của ngân hàng, giao và ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định thực hiện chi trả cổ tức. Hội đồng quản trị Ngân hàng đã quyết định chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8,7866%, đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1,2673% và đã thực hiện phát hành trong tháng 12/2018.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng, phù hợp với chấp thuận/ quy định của NHNN và pháp luật có liên quan. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị chưa quyết định mức chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/4/2020 đã quyết định mức chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 14%, đồng thời phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15,0212%, nâng mức vốn điều lệ của SeABank lên 12.088 tỷ đồng. Đại hội đồng cổ đông đã giao và ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định mức cổ tức cụ thể, thời điểm chia và các nội dung khác có liên quan. Đến thời điểm lập bản cáo bạch này, HĐQT SeABank đang lập hồ sơ báo cáo chia cổ tức bằng cổ phiếu tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và được chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

11. Tình hình tài chính

Bảng 12. Tình hình tài chính

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	Vốn tự có				

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
	Vốn Điều lệ	5.465.826	7.688.000	9.369.000	9.369.000
	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ (*)	12,29%	11,30%	11,63%	11,65%
	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (*)	13,39%	12,60%	12,12%	12,11%
	Tổng tài sản	125.008.960	140.487.190	157.398.288	161.540.016
	Tổng vốn chủ sở hữu	6.174.605	8.301.505	10.925.842	11.421.794
2	Chất lượng tài sản				
	Tỷ lệ nợ xấu	0,91%	1,35%	2,31%	2,23%
	Tỷ lệ trích lập dự phòng (trích lập dự phòng/tổng dư nợ)	0,86%	1,09%	1,15%	1,03%
	(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	58,10%	61,72%	63,46%	60,73%
	Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản	82,44%	86,82%	91,48%	94,22%
3	Kết quả hoạt động kinh doanh				
	Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	6,33%	8,6%	14,47%	-
	Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	2,61%	3,08%	3,79%	-
	Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	17,18%	29,86%	24,12%	-
4	Khả năng thanh khoản				
	Khả năng thanh khoản ngay	14,42%	13,62%	14,82%	14,27%
	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	43,08%	30,29%	17,93%	26,78%
5	Các chỉ số tài chính				
	Tỷ lệ cấp tín dụng trên nguồn vốn huy động	68,88%	74,27%	75,25%	70,49%
	Tổng cho vay 1 khách hàng (**)	20,56%	13,09%	9,31%	-
	Tổng cho vay và bảo lãnh 1 khách hàng (**)	20,56%	13,09%	9,31%	-
	Tổng cho vay một nhóm khách hàng (**)	27,73%	13,99%	6,73%	-
6	Các chỉ tiêu hiệu quả				
	ROA	0,27%	0,37%	0,75%	-
	ROE	5,06%	7,50%	12,03%	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank giai đoạn 2014-2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

(*) Tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2019, 30/06/2020 theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2017, 31/12/2018 theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(**) Tổng dư nợ cấp tín dụng cho khách hàng, khách hàng và người có liên quan được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại văn bản 5443/NHNN-TD ngày 20/07/2015.

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Các thành viên của HĐQT tính đến ngày 30/06/2020 gồm:

Bảng 13. Danh sách các thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Tàn	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực
3	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch
4	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
5	Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên
6	Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên
7	Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập

❖ Ông LÊ VĂN TÀN – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: LÊ VĂN TÀN
- Ngày tháng năm sinh: 17/06/1970
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 012515468 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 29/8/2008
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 04/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Từ 03/2012 – 04/2018: Phó chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 06/2009 – 03/2012: Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2007 – 06/2009: Giám đốc kinh doanh – Công ty Ô tô Honda Tây Hồ
- Từ 1995 – 2007: Giám đốc marketing & bán hàng – Công ty Ô tô GM-Daewoo Việt Nam
- Từ 1992 – 1995: Cán bộ - Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội
- Từ 1988 – 1992: Sinh viên – Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà NGUYỄN THỊ NGÀ – Phó Chủ tịch Thường trực

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÀ

- Ngày tháng năm sinh: 17/08/1955

- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 001155011063 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 04/1/2019

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch Thường trực

- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long

- Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát

- Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ

- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn BRG

- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thăng Long GTC

- Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty

cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội

- Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 – nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 06/2008 – 04/2018: Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 03/2007 – 06/2008: Phó Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2002 – 03/2007: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Từ 02/1998 – 09/2001: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT, Ủy viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
- Từ 2000 – 2013: Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Thung Lũng Vua
- Từ 1992 – 1999: Kinh doanh tự do
- Từ 1987 – 1991: Sinh viên – Đại học Kinh tế Quốc dân

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 69.608.833 cổ phần, chiếm 7,430% vốn điều lệ
(Đại diện Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ)
- Sở hữu của người có liên quan:

ST	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	69.608.833	7,430%
2.	Lê Thu Thủy	Con gái	731.191	0,078%
3.	Lê Hữu Báu	Chồng	37.631.481	4,017%

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ **Bà LÊ THU THỦY - Phó Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: LÊ THU THỦY
- Ngày tháng năm sinh: 07/09/1983
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 012184042 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 20/7/2007
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng – Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Quá trình công tác:
- Từ 06/2009 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 10/2018 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
 - Từ 08/2007 – 05/2011: Giám đốc đối ngoại và hợp tác quốc tế – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 05/2007 – 08/2007: Trợ lý Giám đốc điều hành – Ngân hàng đầu tư UBS, Hoa Kỳ
 - Từ 2003 – 2008: Sinh viên – Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 731.191 cổ phần, chiếm 0,078% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Hữu Báu	Bố đẻ	37.631.481	4,017%
2.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	Bà Nguyễn Thị Nga (mẹ đẻ) - Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ	69.608.833	7,430%

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà KHÚC THỊ QUỲNH LÂM

- Họ và tên: KHÚC THỊ QUỲNH LÂM
- Ngày tháng năm sinh: 14/10/1973
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 011675363 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 07/11/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu
 - Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP đầu tư và kinh doanh bất động sản Smart key
- Quá trình công tác:
- Từ 2006 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 2003 – 2006: Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - Từ 2001 – 2006: Phó Giám đốc CN Hà nội – Công ty TNHH Thung Lũng Vua
 - Từ 1996 – 2000: Thư ký, Trợ lý HĐQT – Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
 - Từ 1991 – 1996: Sinh viên – Đại học Luật Hà Nội
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 25.391 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ **Ông HOÀNG MINH TÂN – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: HOÀNG MINH TÂN
- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1972
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 012735623 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 02/10/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP xi măng Mỹ Đức
- Quá trình công tác:
- Từ 2004 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 2003 – 2004: Phó Giám đốc – Công ty Thương mại và Xây dựng Phụng Hoàng
 - Từ 2002 – 2003: Phó Giám đốc – Công ty Thương mại và Xây dựng Hải Yến
 - Từ 2000 – 2002: Kinh doanh tự do
 - Từ 1996 – 2000: Chuyên viên – Công ty Thương mại và Sản xuất hàng xuất khẩu Hà Nội
 - Từ 1992 – 1996: Sinh viên – Đại học Mở Hà Nội
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

❖ **Ông BÙI TRUNG KIÊN – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: BÙI TRUNG KIÊN
- Ngày tháng năm sinh: 11/01/1964

- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 012890635 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 02/08/2006
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh
 - Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty công nghiệp ô tô Việt Nam – CTCP
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP ô tô công nghiệp Trường Sơn
- Quá trình công tác:
- Từ 04/2018 - Nay Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 12/2008- Nay Chủ tịch - Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh
 - Từ 06/2008 – 03/2018: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 10/2005 – 06/2008: Kinh doanh tự do
 - Từ 10/2002 – 10/2005: Chuyên viên Kế toán – Công ty Du lịch Dịch vụ Lâm Nghiệp
 - Từ 9/1999 – 10/2002: Kế toán trưởng – Công ty CBKD Lâm sản Tây Bắc
 - Từ 1989 – 9/1999: Phụ trách Kế toán chi nhánh Hà Nội, Kế toán – Công ty Sản xuất kinh doanh Lâm sản Hòa Bình
 - Từ 1983 – 1988: Sinh viên – Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh	Ông Bùi Trung Kiên là Chủ tịch Công ty	40.325.687	4,304%

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà NGÔ THỊ NHÀI – Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: NGÔ THỊ NHÀI

- Ngày tháng năm sinh: 10/05/1988

- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 162963659 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 17/02/2006

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên độc lập HĐQT

- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 – nay: Thành viên độc lập HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2017 – 04/2018: Kế toán trưởng – Công ty CP Du lịch và Thương mại Quốc tế Vinatour
- Từ 2015 – 2017: Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ – Công ty TNHH Charlione Việt Nam
- Từ 2010 – 2015: Kiểm toán viên – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Từ 2006 – 2010: Sinh viên – Đại học Kinh tế Quốc dân

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của SeABank theo Điều lệ của SeABank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chuyên trách làm việc tại SeABank tính đến ngày 30/06/2020 gồm:

Bảng 14. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
3	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

❖ Bà LÊ THU THỦY – Tổng Giám đốc

(Xem tại phần Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị)

❖ Ông LÊ QUỐC LONG – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

- Họ và tên: LÊ QUỐC LONG
- Ngày tháng năm sinh: 13/5/1965
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 022065000324 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 15/3/2016
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Đại học Tài chính kế toán Hà Nội
Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc Thường trực
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Quá trình công tác:
 - 1984-1987 Chiến sỹ

- 1987-12/1992 Cán bộ Phòng kinh doanh - Công ty Lâm sản Hà Nội.
- 1993-2/2005 Cán bộ kế toán/cán bộ tín dụng/Phó phòng tín dụng/ Trưởng phòng tín dụng/Phó Giám đốc – chi nhánh Hà Nội, Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh – Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- 2/2005- 6/2018 Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 6/2018- Nay Phó Tổng Giám đốc Thường trực– Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 2.418.919 cổ phần, chiếm 0,258% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Ông VŨ ĐÌNH KHOÁN – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: VŨ ĐÌNH KHOÁN
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1969
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 141890009 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/5/2007
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản SeABank
- Quá trình công tác:
 - 1996-2002 Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng HO, Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp – Ngân hàng Châu á Thái Bình Dương
 - 2002-2003 Trợ lý TGĐ kiêm Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế - Ngân hàng TMCP Hải Phòng
 - 2003-9/2006 Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ

thương Việt Nam

- 10/2006- 7/2007 Phó GD/ GD Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên
- 8/2007-6/2012 Quyền GĐCN, GĐCN, Chủ tịch Ban tín dụng phía Bắc, Giám đốc Vùng I - Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hà Nội
- 07/2012-06/2013 Giám đốc Khối Kiểm soát, Giám đốc Khối Hỗ trợ & Phát triển – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 07/2013 - nay Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 2.385.823 cổ phần, chiếm 0,255% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
- Ngày tháng năm sinh: 29/06/1975
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 033175002818 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/4/2018
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Quá trình công tác:
 - 1993-1996 Sinh viên
 - 1996 -1999 Trợ lý Kiểm toán viên - Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)
 - Từ năm 1999 - 2005 Kiểm toán viên cao cấp - Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

- Từ năm 2006 - 2007 Trợ lý Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
 - Từ năm 2007 – 2008 Kế toán trưởng - Công ty chứng khoán SASC
 - Từ năm 2008 – 2016 Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ năm 2016 đến nay Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 2.372.744 cổ phần, chiếm 0,253% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà TRẦN THỊ THANH THỦY – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: TRẦN THỊ THANH THỦY
- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1965
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 001165006540 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/06/2016
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
- 1988-1995 Nhân viên - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
 - 1995-1997 Phó phòng Phòng Ngân hàng Đại lý - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
 - 1997-2012 Phó phòng Phòng Hối đoái - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
 - 2012-2014 Trưởng phòng Phòng Khách hàng đặc biệt - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- 2014-2015 Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Khách hàng đặc biệt - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
 - 2015- Hiện tại Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 56.000 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Ông NGUYỄN NGỌC QUỲNH – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN NGỌC QUỲNH
- Ngày tháng năm sinh: 05/10/1973
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 010073000023 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/11/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Học viện Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Quá trình công tác:
- 1995 đến 1996 Nhân viên - Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai
 - 1996 đến 2000 Phó phòng huy động tiền gửi - Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
 - 2001 đến 2003 Nhân viên - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
 - 2004 đến 2016 Trưởng Phòng/ Giám đốc Khối Nguồn vốn & Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 2016 – nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 2.398.252 cổ phần, chiếm 0,256% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Ông HOÀNG MẠNH PHÚ – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: HOÀNG MẠNH PHÚ
- Ngày tháng năm sinh: 18/02/1970
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 011728543 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2006
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Học viện Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - 1996 – 2001: Cán bộ tín dụng, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
 - 2001 – 6/2018: Trưởng Phòng Kinh Doanh, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Giám đốc Chi nhánh Láng Hạ, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 6/2018 -Nay: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 2.436.970 cổ phần, chiếm 0,260% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN TUẤN CƯỜNG
- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1965
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 013341686 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/8/2010
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
- Trước năm 2005 Lập trình viên tại Công ty Kapdion (Đức); Quản trị mạng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB), và một số công ty trong thời gian tu nghiệp tại Cộng hòa Áo
 - 01/2005 – 12/2008 Cán bộ Điện toán, Phó trưởng phòng Điện toán, Trưởng phòng Điện toán – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 01/2009 – 03/2010 Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 04/2010 – 08/2012 Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin kiêm giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị và An ninh hệ thống – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 08/2012 – 12/2012 Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin hàm Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng máy chủ và an ninh hệ thống – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - 12/2012 -Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
- Sở hữu cá nhân: 24.944 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà ĐẶNG THU TRANG – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: ĐẶNG THU TRANG
- Ngày tháng năm sinh: 29/09/1981
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 031181000026 do CA Hải Phòng cấp ngày 14/5/2008
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - 06/2005 - 10/2006 Cán bộ Pháp chế - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
 - 10/2006 - 07/2013 Thư ký HĐQT, Phó chánh VP HĐQT, Trưởng VP HĐQT, Trưởng Văn phòng Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
 - 07/2013 - 04/2018 Trưởng VP HĐQT hàm Phó Giám đốc Nhân sự - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
 - 04/2018 - 01/2020 Giám đốc VP HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc VP Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
 - 01/2020 -Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

12.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của SeABank; thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban Kiểm soát của SeABank tính đến ngày 30/06/2020 bao gồm:

Bảng 15. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Đoàn Thị Thanh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Bà ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG
- Ngày tháng năm sinh: 24/06/1973
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 012090086 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 13/06/2013
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 4/2018- nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 2013 – 4/2018: Thành viên độc lập HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 04/2006 – 2013: Trưởng phòng Kế toán – Công ty CP chuyển phát nhanh Tín Thành
 - Từ 11/2004 – 04/2006: Trưởng phòng Kế toán – Công ty CP Vĩnh Tường
 - Từ 06/2002 – 10/2004: Trưởng phòng Kế toán – Công ty TNHH Viễn Đông II
 - Từ 01/1994 – 05/2002: Trưởng phòng Kế toán, Nhân viên Kế toán – Công ty In Thương mại – Bộ Thương Mại
 - Từ 1989 – 1993: Sinh viên - Trường Đại học Thương mại Hà Nội
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ Bà VŨ THỊ NGỌC QUỲNH – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **VŨ THỊ NGỌC QUỲNH**
- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1975
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 015175000048 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/07/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc - Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến
- Quá trình công tác:
 - Từ 03/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 11/2013 – Nay: Giám đốc - Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến
 - Từ 01/2012 – 03/2012: Kinh doanh tự do
 - Từ 08/2007 – 03/2012: Kế toán trưởng – Công ty CP Phát triển TN
 - Từ 10/1997 – 07/2007: Kế toán tổng hợp – Công ty Liên Doanh TNHH Hải hà KoToBuKi
 - Từ 1993 – 10/1997: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

ST	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh là Giám đốc Công ty	46.532.618	4,967%

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ PHƯỢNG – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
- Ngày tháng năm sinh: 25/08/1977
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 030177000201 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 05/08/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 2003 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 2000 – 2003: Kiểm soát viên kế toán tài chính, Kế toán viên – Công ty CP Dịch vụ du lịch Thủy Tiên
 - Từ 1995 – 1999: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có
- Lợi ích liên quan đối với SeaBank: Không có

12.4. Kế toán trưởng

❖ **Bà NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG
- Ngày tháng năm sinh: 05/10/1977
- Số CMND, ngày cấp, nơi cấp: 022177002093 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/01/2018
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Kế toán Trưởng
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

- 2000-2007 Nhân viên, kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán AASC
- 2007 - 2013 Chuyên viên, Phó Phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 2013 - Nay Phó Giám đốc Trung tâm Kế toán, Giám đốc Báo cáo và Kế toán tổng hợp kiêm Kế toán Trưởng - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan

- Sở hữu cá nhân: 12.198 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

- Lợi ích liên quan đối với SeABank: Không có

13. Tài sản cố định

Dưới đây là bảng liệt kê các tài sản cố định của SeABank theo Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2019, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng năm 2020:

Bảng 16. Tài sản cố định

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
Tài sản cố định	775.512	770.572	792.435
I. Tài sản cố định hữu hình	223.486	211.740	198.592
Nguyên giá tài sản cố định	603.837	630.071	634.423
Hao mòn lũy kế	(380.351)	(418.331)	(435.831)
II. Tài sản cố định vô hình	552.026	558.832	593.843
Nguyên giá tài sản cố định	671.058	696.981	744.396
Hao mòn lũy kế	(119.032)	(138.149)	(150.553)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán của SeABank năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Nguồn: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch Năm 2020		Kế hoạch Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với KH năm 2020
Thu nhập lãi thuần (triệu đồng)	2.894.569	3.495.436	20,76%	4.019.863	15,00%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.098.452	1.205.693	9,76%	1.639.398	35,96%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	37,95%	34,49%	-9,11%	40,78%	18,23%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,03%	10,10%	-16,04%	10,77%	6,63%
Cổ tức (*)	14,0000%	n/a	-	n/a	-

(*) Ngân hàng đang thực hiện thủ tục chi trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu với tỷ lệ là 14,0000%. Ngân hàng dự kiến hời gian thực hiện là trong Quý III hoặc Quý IV năm 2020, sau khi được UBCKNN chấp thuận.

(**) ĐHĐCĐ chưa thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2020 và 2021.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Đánh giá kinh tế vĩ mô cho thấy tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2019 có nhiều điểm đáng chú ý gồm: tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện; kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn; tốc độ tăng trưởng GDP cả năm ước đạt trên 7,02%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực, thế giới; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dưới 3%, thấp hơn mục tiêu đề ra; thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định phù hợp; dự trữ ngoại hối đạt khoảng 73 tỷ USD. Cơ cấu lại nền kinh tế thực chất hơn; các ngành, lĩnh vực chủ yếu vẫn phát triển ổn định, tích cực. Sản xuất công nghiệp tăng mạnh; trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng kinh tế. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Khoa học công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển mạnh.

Chính phủ đã thông qua nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2020 với nhiều điểm khả quan, các mục tiêu kinh tế chính như sau: (i) tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) mục tiêu 6,8%; (ii) tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân nhỏ hơn (<) 4%; (iii) tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 7% (iv) tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP đạt 33-34%.

Năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đang tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và khu vực cũng như kinh tế Việt Nam. Ngành ngân hàng cần có những biện pháp thích hợp để đối mặt với khó khăn như hỗ trợ khách hàng về thời hạn trả nợ, lãi suất, giảm phí, các chính sách tín dụng phù hợp và đồng thời đề ra các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô trên, SeABank tiếp tục thực thi các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả vận hành và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án có tư vấn đối tác nước ngoài để tăng cường năng lực quản trị nội bộ các mảng như quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, quản trị nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank trong năm 2020 như sau:

- a. Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi;
- b. Cải thiện biên độ sinh lời phân khúc/sản phẩm; tập trung phát triển sản phẩm mới/sản phẩm đặc thù có hiệu quả và có khả năng sinh lời cao, phù hợp với nhu cầu khách hàng;
- c. Tối ưu hóa chi phí hoạt động, tập trung đầu tư các dự án công nghệ trọng điểm, các tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng digital banking và chiến lược hội tụ số;
- d. Đa dạng hóa sản phẩm cho vay, phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp;
- e. Tăng chất lượng tài sản và quản trị chặt chẽ nợ xấu; xử lý triệt để nợ xấu cần xử lý
- f. Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank và phù hợp với quy định của NHNN. Đồng thời, tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lợi cao và các sản phẩm mới dư nợ tín chấp Khách hàng cá nhân.
- g. Bám sát tình hình tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp. Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động.

Song song, tại các thị trường đang khai thác, SeABank cũng sẽ mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch tại những địa bàn có tiềm năng kinh doanh.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, AseanSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Ngân Hàng đang hoạt động.

Năm 2019 kinh tế Việt Nam tăng trưởng tốt, tốc độ tăng GDP cả năm đạt trên 7,02% là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực, tăng trưởng tín dụng năm 2019 đạt 12,1%, thấp hơn mức 13,3% của cùng kỳ năm 2018 và là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Tuy nhiên, tổng phương tiện thanh toán và huy động vốn của các tổ chức tín dụng lần lượt tăng 12,1% và tăng 12,5% so với năm 2018. Năm 2019 cũng là năm chứng kiến nhiều đợt giảm lãi suất của hệ thống ngân hàng.

Đầu năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu khiến kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam bị tác động nghiêm trọng. Tại cuộc họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm 2020 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II ước tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kết quả khá tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu (EU) đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Mặc dù Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức tiềm ẩn, nhưng nền kinh tế được kỳ vọng vẫn tiếp tục sáng hơn và tăng trưởng khá trong năm 2020. Đây cũng chính là nền tảng vững chắc cho triển vọng ngành ngân hàng trong năm 2020.

Với nhiều kế hoạch đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh, trong bối cảnh nền kinh tế từ nay đến cuối năm nhiều khả năng tăng trưởng ổn định, SeABank hoàn toàn có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Năm 2018, SeABank đã thực hiện chào bán 144.263.950 cổ phiếu ra công chúng, đợt chào bán kết thúc ngày 27/12/2018. Năm 2019, SeABank đã thực hiện chào bán 168.100.000 cổ phiếu ra công chúng, đợt chào bán kết thúc ngày 26/09/2019.

SeABank đã có kế hoạch niêm yết cổ phiếu của SeABank trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”) trong năm 2020 theo đúng định hướng, chiến lược và hoạt động của SeABank trong giai đoạn 2016-2020 và phù hợp với lộ trình tại Phương án cơ cấu lại gắn liền với xử lý nợ của SeABank giai đoạn 2016-2020 đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

chấp thuận, cũng như tuân thủ theo đúng thời hạn quy định tại Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/2/2019. Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 vừa qua của SeABank cũng đã tiếp tục thông qua nghị quyết về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của SeABank trên thị trường chứng khoán tập trung. Theo đó, SeABank đã và đang tiếp tục làm việc rất tích cực với các đơn vị tư vấn có uy tín trong nước và nước ngoài để thực hiện niêm yết cổ phiếu của SeABank trên sàn HOSE hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM.

Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế, thị trường chứng khoán nói chung và kế hoạch đăng ký giao dịch cổ phiếu của SeABank trên thị trường chứng khoán tập trung nói riêng. SeABank sẽ theo sát diễn biến thị trường để thực hiện đăng ký giao dịch dự kiến muộn nhất trong Quý IV/2020.

Trường hợp dịch bệnh Covid-19 trong thời gian tới có những diễn biến khó lường và bất lợi cho việc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, SeABank sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Cơ quan hữu quan kịp thời.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Bảng 18. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết khác qua các năm

Đơn vị: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	Bảo lãnh vay vốn	101.747	101.349	32.873
2	Cam kết giao dịch hối đoái			
-	Cam kết mua ngoại tệ	14.218.893	3.999.584	3.522.945
-	Cam kết bán ngoại tệ	14.217.592	3.373.657	1.481.391
-	Cam kết mua hoán đổi ngoại tệ	28.897.017	55.137.961	37.827.600
-	Cam kết bán hoán đổi ngoại tệ	28.991.776	51.524.978	32.057.277
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	706.051	572.337	588.167
4	Bảo lãnh khác	3.889.707	4.653.959	4.588.040
5	Cam kết khác	8.434.600	4.987.983	11.428.084

Nguồn: BCTC 2019 hợp nhất kiểm toán và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán (nếu có):

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- 1. Loại cổ phiếu:** Cổ phần phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000/cổ phần
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 140.734.000 cổ phiếu
- 4. Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng/cổ phần*)
- 5. Phương pháp tính giá:**

Hội đồng Quản trị Ngân hàng căn cứ vào các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 (theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019): 11.662 đồng/cổ phần.
- Giá trị sổ sách của SeABank tại thời điểm 31/12/2019 (theo BCTC riêng kiểm toán năm 2019): 11.691 đồng/cổ phần.
- Giá trị sổ sách pha loãng dự kiến tại 31/12/2020 sau khi kết thúc đợt phát hành dự kiến là: 11.240 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của SeABank tháng 08/2019: 10.000 đồng/cổ phần.

Để đảm bảo lợi ích cho cổ đông và khả năng huy động vốn thành công, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT đã có Nghị quyết số 1396/2020/NQ – HĐQT ngày 20/08/2020 quyết định giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần, thấp hơn 14,25% so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019.

6. Phương thức phân phối

Phân phối tại Trụ sở Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, số 25 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Dự kiến Quý III hoặc Quý IV năm 2020, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ triển khai thực hiện ngay phương án phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Ngân hàng sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận việc chào bán cổ phiếu, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân Hàng. Cổ đông đăng ký mua cổ phiếu tại Trụ sở Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, số 25 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thời gian cho cổ đông đăng ký và nộp tiền mua là tối thiểu 20 ngày.

❖ Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 01 cổ phần

❖ **Phương thức thanh toán:**

Cổ đông thực hiện nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Ngân Hàng.

❖ **Chuyên giao cổ phần**

Sau khi hoàn thành việc phát hành theo đúng quy định của pháp luật, Ngân hàng sẽ hoàn thành thủ tục ghi nhận số cổ phần phát hành thêm đã được cổ đông thanh toán đầy đủ vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của các cổ đông, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân Hàng.

9. Phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

Điều kiện thực hiện quyền: Cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo thông báo của Ngân Hàng.

Tỷ lệ thực hiện quyền là: 15,0212%, tương đương 1:0,150212 (Mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách được hưởng 1 quyền. 100 quyền sẽ được mua 15,0212 cổ phần mới phát hành).

Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

*Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 100 cổ phần của Công ty, số lượng quyền mua cổ đông Nguyễn Văn A được hưởng là 100 quyền, tương ứng số lượng cổ phiếu được mua tính theo công thức: $100 * 0,150212 = 15,0212$ cổ phiếu*

Số lượng cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A được mua là 15 cổ phiếu và 0,0212 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua.

10. Phương án xử lý cổ phiếu chưa bán hết và cổ phiếu lẻ:

Trong quá trình phát hành cổ phiếu nếu phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ được xử lý như sau: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (được dùng để mua cổ phiếu theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc/và HĐQT) để giao cho Công đoàn SeABank Hội sở mua và quản lý toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh trong quá trình tăng vốn điều lệ làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên SeABank.

Đối với số cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu: do Hội đồng Quản trị quyết định chào bán cho các cổ đông hiện hữu khác với giá không ưu đãi hơn so với giá đã phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank thì nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển nhượng cổ phần SeABank theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu SeABank được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại Việt Nam như sau:

- (i) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.
- (iii) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (iv) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- (v) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.
- (vi) Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.
- (vii) Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

- (viii) Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Căn cứ theo quy định Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 và danh mục ngành nghề hoạt động của SeABank nêu trên thì tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á không quá 30% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại SeABank tính đến ngày lập Bản cáo bạch này là không có. Do đó, đảm bảo được tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ phát hành có quyền từ chối quyền mua hoặc được chuyển nhượng 01 (một) lần quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

Đối với số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, HĐQT sẽ phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu khác với giá không ưu đãi hơn so với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành theo quy định tại điểm 3 khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

13. Các loại thuế có liên quan

13.1. Đối với Ngân hàng

13.1.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2016, Ngân hàng áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Ngân hàng.

Các báo cáo Thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

13.1.2. Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Ngân hàng phải chịu là: Ngân hàng không chịu thuế VAT đối với hoạt động tín dụng, chỉ chịu thuế 10% đối với hoạt động dịch vụ.

13.2. Đối với nhà đầu tư

13.2.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- ✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%.

✓ Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

13.2.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- ✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.
- Đối doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- ✓ Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do SeABank đã mở tại Ngân hàng thương mại khác để nhận vốn góp như sau:

- Tên tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Số tài khoản: 0681000001347
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

15. Thông tin khác liên quan đến đợt phát hành của Ngân Hàng

DHĐCĐ thường niên năm 2020 của SeABank đã quyết định phương án tăng vốn điều lệ lên 12.088 tỷ đồng và giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc sửa đổi bổ sung, hoàn thiện phương án phát hành.

Theo đó, bên cạnh việc chào bán 140.734.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo phương án công bố tại Bản Công Báo bạch này, SeABank còn đồng thời thực hiện việc phát hành 131.166.000 cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận còn lại chưa phân phối (hợp nhất) đến thời điểm 31/12/2019.

Mức vốn điều lệ tăng thêm là 2.719.000.000.000 đồng, Vốn điều lệ sau khi hoàn thành tất cả các đợt tăng vốn là 12.088.000.000.000 đồng, tương đương số lượng cổ phiếu lưu hành là 1.208.800.000 cổ phiếu.

Phương án tăng vốn từ 9.369 tỷ đồng lên 12.088 tỷ đồng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 4348/NHNN-TTGSNH ngày 15/6/2020. Ngay sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đủ tài liệu báo cáo (đối với hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức) và cấp Giấy phép chào bán (đối với hồ sơ đăng ký chào bán), SeABank sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu và hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại cùng một thời điểm.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của SeABank trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để SeABank tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, thúc đẩy quá trình phát triển, tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng những nhu cầu sau:

- Tăng năng lực tài chính của Ngân hàng thông qua việc nâng cao giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, giúp SeABank đứng vững trước những biến động của thị trường.
- Tạo điều kiện đẩy mạnh kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng:
 - Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh;
 - Nâng cao các chỉ số an toàn của SeABank, đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN;
 - Nâng cao hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/ nhóm khách hàng;
 - Nâng cao khả năng thanh khoản của SeABank;
 - Tăng cường dự phòng rủi ro của SeABank theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong năm 2020 và giai đoạn 2016-2020.
 - Nâng tỷ trọng đầu tư trung dài hạn.
- Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng: Nâng tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động Ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

- Tăng khả năng tài chính để mở rộng và phát triển mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Với số vốn điều lệ tăng thêm là 2.719.000.000.000 đồng, SeABank dự kiến sử dụng vào các mục đích sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Đầu tư tài sản cố định (máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản cố định khác)	80.000	- Tăng đầu tư vào các giải pháp để củng cố và nâng cao hệ thống nền tảng như đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, cơ vật chất, trụ sở, mạng lưới và hệ thống quản trị rủi ro.
2	Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân	1.789.000	- Tăng các giới hạn liên quan đến cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, phát triển các chương trình tín dụng cá nhân và thêm nguồn vốn trung và dài hạn để tài trợ cho các dự án của KH. - Thay thế một phần nguồn huy động từ thị trường để tiết giảm chi phí huy động.
3	Trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ	850.000	- Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp.
	Tổng cộng	2.719.000	

Nguồn: SeABank

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:



Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 và năm 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.7105 5000

Fax: 024.6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn



Đơn vị soát xét BCTC bán niên năm 2020

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3946 1600

Fax: 024 3946 1601

Website : www.kpmg.com.vn

2. Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.6275 3844

Fax: 024.6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2020

Hà Nội, ngày 31... tháng 8... năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


LÊ VĂN TÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THU THỦY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH BÌNH

985-C.T.C.P
ANG
CỔ PHẦN
AM Á
TP. HÀ NỘI